

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HOÀNG MINH HUYÊ

KÊ BIÊN TÀI SẢN
TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI

Chuyên ngành : Luật Kinh tế

Mã số : 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. TRẦN MINH ĐỨC

HÀ NỘI, năm 2016

LỜI CAM ĐOAN

Bản thân Tôi xin cam đoan số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn này là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các luận văn khác trong cùng lĩnh vực. Các thông tin, tài liệu trình bày trong luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc. Luận văn này là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này./.

Tác giả luận văn

Hoàng Minh Huệ

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KÊ BIÊN TÀI SẢN TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	6
1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của kê biên tài sản trong thi hành án dân sự	6
1.2. Phân Loại kê biên tài sản trong thi hành án dân sự	10
1.3. Nội dung của Pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự	23
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến kê biên tài sản trong thi hành án dân sự.....	33
Kết luận Chương 1	35
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KÊ BIÊN TÀI SẢN TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI	37
2.1. Thực trạng pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự	37
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự ở tỉnh Quảng Ngãi	46
2.3. Tình hình kê biên tài sản trong thi hành án dân sự tại tỉnh Quảng Ngãi .	47
2.4. Những ưu điểm và hạn chế bất cập về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự tại tỉnh Quảng Ngãi.....	54
Kết luận Chương 2	58
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ KÊ BIÊN TÀI SẢN TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI	60
3.1. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi	60

3.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng Pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi	64
3.3. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi....	66
Kết luận Chương 3	75
KẾT LUẬN	76
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BA	: Bản án
CHV	: Chấp hành viên
CN	: Công nghiệp
CCĐKTHA	: Chưa có điều kiện thi hành án
DV	: Dịch vụ
KCN	: Khu công nghiệp
QĐ	: Quyết định
QSDD	: Quyền sử dụng đất
THADS	: Thi hành án dân sự
THA	: Thi hành án
TM	: Thương mại
TTCN	: Tiểu thủ công nghiệp

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1.	Kết quả áp dụng biện pháp kê biên tài sản về việc trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011-2015	49
2.2.	Kết quả áp dụng biện pháp kê biên tài sản về tiền trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011-2015	50
2.3.	Các loại kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011-2015	52
2.4.	Ngân sách Nhà nước cấp cho việc kê biên từ năm 2011-2015	53

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân Nhà nước khi được chấp hành nghiêm chỉnh có tác động trực tiếp đến lòng tin của nhân dân đối với pháp luật. Vì vậy, hoạt động thi hành án có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc giữ vững kỷ cương phép nước, củng cố pháp chế và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, đảm bảo cho quyền lực tư pháp được thực thi trên thực tế, tại Điều 106, Hiệp pháp năm 2013 khẳng định: “Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành”.

Thi hành án dân sự là một hoạt động đã, đang và sẽ là “vấn đề nóng” của xã hội, do đó đòi hỏi các ngành, các cấp cần phải có sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời để tìm ra giải pháp đúng đắn cho lĩnh vực còn gặp nhiều trắc trở này. Tầm quan trọng của hoạt động thi hành án còn được thể hiện trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 như sau: “xây dựng cơ chế đảm bảo mọi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật phải được thi hành, các cơ quan hành chính vi phạm bị xử lý theo phán quyết của Tòa án phải nghiêm chỉnh chấp hành”. Trong các biện pháp cưỡng chế mà Luật thi hành án dân sự 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì biện pháp kê biên tài sản là phức tạp và thường gặp khó khăn nhất khi áp dụng. Việc ban hành Luật thi hành án dân sự - Một văn bản chuyên ngành có giá trị pháp lý cao với cơ chế mới và chặt chẽ cho thấy công tác thi hành án dân sự đã dần đi vào nề nếp.

Thể hiện tính rắn đẽ và nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên bên cạnh các kết quả đạt được vấn đề áp dụng biện pháp kê biên tài sản từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi vẫn còn những khó khăn vướng mắc, bất cập nhất định, như nhiều bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng chậm tổ chức thi hành;

việc áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản còn tồn tại..., các nguyên nhân chủ quan và khách quan liên quan đến vấn đề này có thể xuất phát từ những bất cập của pháp luật về kê biên tài sản. Hay công tác phối hợp kê biên tài sản còn chưa được chính quyền địa phương chú trọng; điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, công chức ngành thi hành án dân sự chưa được quan tâm tốt.

Vì những lý do trên việc chọn lựa đề tài “*Kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi*” để làm luận văn Thạc sĩ Luật kinh tế của mình là cấp thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Các biện pháp cưỡng chế THADS trong đó có biện pháp kê biên tài sản, nội dung của luận văn có liên quan đến nhiều công trình nghiên cứu, nhưng cần quan tâm chú trọng đến các công trình bài viết sau:

- Luận văn Tiến sỹ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh. “Hoàn thiện pháp luật THADS ở Việt Nam hiện nay” của tác giả Nguyễn Thanh Thủy.

- Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, “Thực hiện pháp luật về THADS ở tỉnh BR-VT” tác giả Lại Anh Thắng

- Luận văn thạc sĩ Luật học, trường Đại học luật Hà Nội, “Đổi mới thủ tục thi hành án dân sự Việt Nam”, Lê Anh Tuấn

- Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội. “Áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản nhằm thi hành các bản án, quyết định của tòa án qua thực tiễn thực hiện tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu” của tác giả Châu Vũ

Các công trình nghiên cứu khoa học trên đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về THADS nói chung, kê biên thi hành án nói riêng nhưng chưa có đề tài nào nghiên cứu dưới góc độ lý luận và thực tiễn kê biên tài sản gắn với địa

bản tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy, dựa trên nền những kiến thức của các đề tài nêu trên, việc nghiên cứu chuyên sâu về áp dụng biện pháp kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi là cần thiết, không trùng lặp với các công trình đã công bố.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của đề tài làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn cho việc đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ những cơ sở lý luận về thi hành án và kê biên tài sản trong thi hành án dân sự.
- Phân tích về pháp luật kê biên tài sản trong thi hành án dân sự, thực tiễn thi hành án dân sự và tìm ra nguyên nhân của thực trạng đó.
- Đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kê biên tài sản trong thi hành án dân sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Trong khuôn khổ luận văn thạc sĩ luật học, tôi tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự, từ đó rút ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự nhằm nâng cao hiệu quả về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự tại địa phương tỉnh Quảng Ngãi.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài chỉ giới hạn phạm vi nghiên cứu đối với vụ việc mà Chấp hành viên phải áp dụng biện pháp kê biên tài sản dựa vào Luật thi hành án dân sự 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014, và văn bản hướng dẫn thi hành tại tỉnh Quảng Ngãi).

Thời gian nghiên cứu trong phạm vi từ 2011 -2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận: Dựa trên nền tảng phương pháp luận nghiên cứu khoa học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối của Đảng, luật pháp của Nhà nước, vận dụng cách tiếp cận đa ngành, liên ngành và luận văn triết để vận dụng phương pháp nghiên cứu kê biên tài sản để thi hành án dân sự.

5.2. Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp phân tích phương pháp so sánh đối chiếu, phương pháp liệt kê, thống kê, sử dụng các trang web để tìm kiếm tài liệu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận: Luận văn đã đặt ra và luận giải một số quan điểm cơ bản về khái niệm kê biên tài sản trong thi hành án dân sự, tìm hiểu đặc điểm, bản chất của kê biên tài sản trong thi hành án dân sự, góp phần bổ sung làm phong phú thêm cho hoạt động nghiên cứu khoa học về pháp luật thi hành án dân sự từ tỉnh Quảng Ngãi.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn: Từ việc đánh giá thực trạng pháp luật kê biên tài sản trong thi hành án dân sự, tác giả đã đưa ra được những bất cập cần sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật thi hành án dân sự.

Từ việc đánh giá thực tiễn kê biên tài sản trong thi hành án dân sự, tác giả đã phân tích những nguyên nhân và đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ tỉnh Quảng Ngãi.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu luận văn này có kết cấu 03 Chương.

Chương 1. Những vấn đề lý luận về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự.

Chương 2. Thực trạng kê biên tài sản trong thi hành án dân sự tại tỉnh Quảng Ngãi.

Chương 3. Phương hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng Pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KÊ BIÊN TÀI SẢN TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của kê biên tài sản trong thi hành án dân sự

** Khái niệm kê biên tài sản*

Có rất nhiều cách hiểu về kê biên chẳng hạn như theo từ điển bách khoa toàn thư thì [kê biên là cưỡng chế của Nhà nước đối với tài sản của người vi phạm pháp luật. Kê biên tài sản trong thi hành án là một trong những biện pháp cưỡng chế và CHV có quyền áp dụng trong trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành].

Ở góc độ luật học thì [kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án là một biện pháp cưỡng chế thi hành án do cơ quan thi hành án áp dụng khi người phải thi hành án có nghĩa vụ thanh toán tiền theo bản án, quyết định của Tòa án được áp dụng trong trường hợp người phải thi hành án có điều kiện thi hành mà không tự nguyện thi hành trong thời hạn do CHV ấn định hoặc trong trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án chuyển dịch tài sản cho người khác tẩu tán, hủy hoại tài sản [16].

Trong luận văn này, người viết chỉ xem xét kê biên ở góc độ luật học trên cơ sở đó sẽ phân tích, đánh giá để tìm hiểu rõ hơn về biện pháp cưỡng chế bằng hình thức kê biên tài sản trong thi hành án dân sự theo những quy định của pháp luật hiện hành.

** Đặc điểm của kê biên tài sản*

Đối với mỗi một biện pháp cưỡng chế sẽ có một đặc điểm riêng để nhận biết cũng như để cho các CHV dễ dàng áp dụng đối với từng vụ việc cụ thể. Theo Lenin thì pháp luật sẽ không còn là gì nữa nếu không có một bộ máy có đủ sức cưỡng bức người ta tuân theo những tiêu chuẩn của pháp

quyền thì pháp quyền có cũng như không . Những quy tắc đạo đức, phong tục được con người tuân theo, chỉ nhờ vào sự tự giác, lòng tin, trình độ hiểu biết, tác động của xã hội; Còn quy phạm pháp luật được Nhà nước bảo đảm thi hành, công dân, các tổ chức các người có liên quan không chấp hành thì Nhà nước sẽ cưỡng chế thi hành. Một số đặc điểm cơ bản của quá trình kê biên tài sản trong biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản:

Thứ nhất, Kê biên là giai đoạn đầu của một trong sáu biện pháp cưỡng chế THADS. Với mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án là cá nhân, tổ chức, cơ quan và lợi ích của Nhà nước thì CHV sẽ quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp đối với từng điều kiện của người phải THA, trong đó có biện pháp cưỡng chế kê biên và xử lý tài sản. Theo LTHADS 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 khi người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án trong khoảng thời gian do luật định thì sẽ bị áp dụng biện pháp cưỡng chế là kê biên và xử lý tài sản để thi hành án.

Thứ hai, Quyền kê biên tài sản của người phải thi hành án thuộc về CHV phụ trách hồ sơ khi xác định được có căn cứ cho rằng tài sản đó là của người phải thi hành án. Như vậy, chỉ có CHV mới có quyền trực tiếp áp dụng biện pháp kê biên tài sản đối với người phải thi hành án.

Thứ ba, Trình tự, thủ tục kê biên được tiến hành theo những qui định của pháp luật thi hành án dân sự và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Thứ tư, chủ thể áp dụng biện pháp kê biên tài sản trong hoạt động THADS, chủ thể được Nhà nước giao trách nhiệm thi hành các sở bản án, quyết định của Tòa án là cơ quan thi hành án dân sự. Đây là chủ thể chính được Nhà nước giao trách nhiệm thi hành các sở bản án, quyết định của Tòa án, khi thi hành nhiệm vụ, chỉ tuân theo pháp luật và được pháp luật bảo vệ. Vì vậy chủ thể áp dụng biện pháp kê biên tài sản là CHV cơ quan THADS.

** Vai trò của kê biên tài sản*

Kê biên tài sản là biện pháp cưỡng chế được quy định trong Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 tại Điều 71 là một trong hai biện pháp của cơ quan thi hành án dân sự, biện pháp còn lại của cơ quan thi hành án dân sự là tự nguyện thi hành án. Vì vậy vai trò của kê biên tài sản là vai trò của cơ quan thi hành án dân sự trong hệ thống tư pháp, vai trò của cơ quan thi hành dân sự được phản ánh, thể hiện ở những khía cạnh sau:

Thứ nhất, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và khôi phục lại những quan hệ xã hội mà pháp luật bảo vệ. Trong quá trình giải quyết một vụ án thi hành án chỉ kết thúc khi bản án quyết định của Tòa án được thi hành đúng kịp thời đầy đủ theo quy định của Tòa án. Công tác thi hành án dân sự không được các bên quan tâm và không có hiệu quả thì sẽ có nhiều khả năng ảnh hưởng tiêu cực lớn, tác động đến toàn bộ hoạt động của Cơ quan Điều tra công an; Truy tố của Viện kiểm sát; Xét xử của Tòa án, trật tự kỷ cương xã hội bị vi phạm, quyền lực nhà nước giảm sút không được coi trọng, quyền lợi và lợi ích hợp pháp của công dân, các đương sự bị xâm hại.

Thi hành án dân sự đạt được hiệu quả sẽ mang lại niềm tin cho nhân dân đối với tính nghiêm minh của pháp luật trong công tác thi hành án nói riêng và pháp luật nói chung, góp phần khôi phục lại những quan hệ xã hội mà pháp luật bảo vệ.

Thứ hai, góp phần cho người dân nâng cao nhận thức về pháp luật. Thi hành án dân sự góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân đặc thù của thi hành án dân sự là sự kết hợp chặt chẽ giữa vai trò chủ động, phát huy trách nhiệm của cán bộ Công chức, Chấp hành viên, Cơ quan thi hành án dân sự, quan tâm chỉ đạo của chính quyền địa phương, sự phối hợp các cơ quan tổ chức có liên quan và sự nhất trí cao đồng tình của quần chúng, tạo ra sức mạnh tổng hợp, nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng dân tộc. Trong hoạt động thi

hành án dân sự, thi hành án không chỉ là hoạt động nghiệp vụ riêng của cơ quan thi hành án, Chấp hành viên mà còn là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, và đoàn thể xã hội và mọi thành viên trong cộng đồng dân tộc. Thông qua công tác thi hành án, ý thức pháp luật được tuyên truyền rộng rãi ngoài nhân dân và đồng thời nâng cao nhận thức của mọi người, nhân dân và xã hội với pháp luật.

Thứ ba, là thước đo của quá trình xét xử nhân danh tòa án

Thi hành án là thước đo hiệu quả hoạt động xét xử nhân danh của Tòa án và hoạt động tư pháp khác Hoạt động điều tra, truy tố và xét xử diễn ra rất phức tạp, kéo dài và tốn kém của nhà nước, song những hoạt động đó có thể chỉ là con số không nếu như bản án, quyết định của Tòa án không được đưa ra thi hành trên thực tế một cách nghiêm minh đúng quy định. Với ý nghĩa đó, thi hành án dân sự là một hoạt động không thể thiếu được trong quá trình bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của đương sự những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Thông qua công tác thi hành án, kết quả của công tác xét xử được củng cố, hiệu lực các bản án, quyết định của Tòa án được đảm bảo theo quy định. Mặt khác, thi hành án dân sự còn là giai đoạn kiểm nghiệm qua thực tiễn những phán quyết của Thẩm phán Tòa án, phản ánh, trung thực chất lượng chính xác và hiệu quả của hoạt động xét xử.

Thực tế có nhiều vụ việc cho thấy đương sự không tự nguyện thi hành hoặc gửi đơn khiếu nại, tố cáo đi nhiều nơi, tố cáo vượt cấp đến Trung Ương không phải vì cơ quan thi hành án làm sai mà vì không đồng tình không đồng ý hết toàn bộ nội dung bản hoặc một phần nào đó với bản án quyết định của Tòa án nên cố tình trì hoãn kéo dài việc thi hành án.

Hoạt động thi hành án dân sự là hoạt động thực thi phán quyết của Tòa án liên quan đến các vấn đề về tài sản và nhân thân, trong các bản án hình sự, kinh tế, lao động, dân sự, hành chính, tín dụng ngân hàng, hôn nhân và gia

đình,... có thể nói hoạt động thi hành án dân sự là giai đoạn cuối cùng của hoạt động tố tụng. Để bản án, quyết định của Tòa án được thực thi trên thực tế được nghiêm túc, đi vào đời sống dân sự một cách hiệu quả nhất thì công tác thi hành án dân sự đóng vai trò vô cùng quan trọng

1.2. Phân loại kê biên tài sản trong thi hành án dân sự

CHV chỉ kê biên tài sản của người phải THA tương ứng với nghĩa vụ THA và các chi phí cần thiết. Đó là các chi phí do người phải THA chịu theo qui định tại Điều 73 LTHADS 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Vì vậy khi kê biên tài sản của người phải THA, CHV phải tạm tính giá trị các tài sản định kê biên và các chi phí để kê biên tương ứng với mức vừa đủ để THA. CHV có thể dựa vào giá thị trường của tài sản tại thời điểm tiến hành việc kê biên, hay có thể tham khảo ý kiến của các cơ quan chức năng có liên quan và của cả các bên đương sự để tạm tính giá trị tài sản kê biên.[12]

Khi áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên sẽ tác động trực tiếp đến các chủ thể sau: Người được THA, người phải THA, người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Những người này có thể là cá nhân, cơ quan, tổ chức. Tùy theo chủ thể là người được hay người phải THA mà họ sẽ được hưởng những quyền lợi cũng như phải thực hiện những nghĩa vụ khác nhau. Nhưng dù được hưởng quyền lợi hay phải thực hiện nghĩa vụ thì chỉ có một loại đối tượng phải chịu tác động đó là tài sản kê biên. Tài sản này có thể là động sản hay bất động sản nhưng nó phải thuộc quyền sở hữu của người phải THA. Để tránh sự tùy tiện, áp đặt của CHV, đảm bảo nguyên tắc người có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản của chính mình, không xâm phạm đến tài sản của người khác. Khi kê biên phải đảm bảo được nguyên tắc tài sản kê biên tương ứng với nghĩa vụ phải thi hành và các chi phí có liên quan, trừ trường hợp đặc biệt là tài sản này lớn hơn nghĩa vụ phải thi hành (theo ND 62/2009/NĐ-CP). Tuy nhiên không phải tất cả các loại tài sản đều có thể bị

kê biên, có những loại tài sản do tính chất đặc thù của chính nó qui định hoặc do ý thức chủ quan của con người qui định mà nó sẽ không phải là đối tượng bị kê biên.

Các loại tài sản kê biên theo qui định của pháp luật.

Thứ nhất, kê biên tài sản thuộc sở hữu chung

Với những qui định cụ thể của LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 so với PLTHADS 2004 về cưỡng chế tài sản thuộc sở hữu chung đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho CHV cũng như bảo đảm được quyền lợi cho các đương sự. LTHADS năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 qui định: “Trường hợp chưa xác định được phân quyền sở hữu tài sản, phân quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.[21]

LTHADS năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 đã phân định rõ ràng hai trường hợp kê biên tài sản thuộc sở hữu chung với người khác và tài sản thuộc sở hữu chung với vợ chồng ra riêng hai phần giúp cho CHV dễ dàng xác định phần sở hữu của người phải THA trong khối tài sản chung. Đây là một điểm tiến bộ vượt bậc so với PLTHADS 2004. Ở PLTHADS 2004 chỉ qui định: “khi không có tài sản riêng thì CHV mới được kê biên phần tài sản của người phải THA trong khối tài sản thuộc sở hữu chung với người khác”. Bởi lẽ, cả hai loại tài sản thuộc sở hữu chung này đều được xác định theo qui định của BLDS 2004, nhưng riêng tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng còn dựa theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình [21].

Luật qui định cho phép chủ sở hữu chung được quyền khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu bảo vệ quyền lợi cho mình. Điều này thể hiện tính dân chủ

đồng thời có thể bảo vệ lợi ích của các đồng sở hữu chung trong trường hợp tài sản bị kê biên để THA. Tuy nhiên, trên thực tế nếu đương sự khởi kiện để yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu của mình thì việc THA sẽ rất kéo dài. Bởi lẽ, việc THA phải chờ vào kết quả phân chia của Tòa án. Mà quá trình tố tụng của một vụ án dân sự phải mất nhiều năm, chưa kể có nhiều vụ phải xử đi xử lại hàng chục lần. Đây cũng đang là vấn đề nan giải, bởi nếu không cho chủ sở hữu chung có quyền khởi kiện là không đúng với nguyên tắc đương sự có “quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi những tài sản phải đăng kí quyền sở hữu thường là những tài sản có giá trị rất lớn, tài sản có thể bảo đảm khả năng thanh toán cao cho chủ sở hữu trong trường hợp chủ sở hữu phải thực hiện nghĩa vụ theo qui định của pháp luật. Căn cứ vào qui định trên khi kê biên tài sản chung của vợ chồng CHV cần lưu ý:

+ Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án tuyên buộc vợ hoặc chồng phải THA thì CHV chỉ được kê biên tài sản thuộc sở hữu riêng của vợ hoặc chồng. Nếu người phải THA không có tài sản riêng hoặc có nhưng không đủ để thi hành thì kê biên phần tài sản của người đó trong khối tài sản chung của vợ chồng. Qui định nhằm đảm bảo quyền lợi cho vợ hoặc chồng còn lại và giữ nguyên tắc nghĩa vụ của ai thì người đó chịu. Nếu tài sản chung không thể phân chia, CHV có quyền kê biên toàn bộ tài sản và giải thích cho vợ hoặc chồng còn lại quyền ưu tiên mua phần tài sản của người kia. Nếu vợ hoặc chồng không mua thì sau khi bán tài sản, CHV thanh toán lại cho họ 1/2 giá trị tài sản và trích lại cho người phải THA số tiền cần trợ cấp cho việc nuôi con chưa thành niên, người tàn tật hoặc người khác mà người phải THA đang có trách nhiệm nuôi dưỡng hoặc cấp dưỡng nuôi con khi chưa đủ 18 tuổi theo qui định của pháp luật. Đồng thời cũng đảm bảo được tính nhân đạo trong

việc trích lại số tiền đủ để thực hiện trợ cấp cho những đối tượng theo qui định của pháp luật.

Vai trò của Nhà nước là nhằm an sinh xã hội, đảm bảo cuộc sống của người dân luôn được ấm no, do đó trong mọi hoàn cảnh kể cả khi đương sự phải thực hiện nghĩa vụ theo bản án, quyết định của Tòa án vẫn phải tính đến việc đảm bảo cho cuộc sống cho người phải THA và gia đình đủ điều kiện để tiếp tục sinh sống.

+ Trong trường hợp tài sản chung của vợ chồng gồm nhiều loại tài sản thì CHV căn cứ vào giá trị của từng tài sản để kê biên loại tài sản có giá trị tương ứng với số tiền và chi phí để THA. Đây là cơ sở để CHV kê biên tài sản của đương sự trong điều kiện đương sự có rất nhiều loại tài sản. Song song đó qui định này còn ngăn chặn được tình trạng “vượt quyền của CHV”, bởi nếu không qui định như vậy thì CHV có thể kê biên tài sản nào cũng được, bất kể tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ phải THA rất nhiều.

Theo khoản 2 Điều 74 LTHADS năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì: Tài sản kê biên thuộc sở hữu chung đã xác định được phần sở hữu của các chủ sở hữu chung được xử lý. Đối với tài sản chung có thể chia được thì Chấp hành viên áp dụng biện pháp cưỡng chế phân tài sản tương ứng với phần sở hữu của người phải thi hành án; Đối với tài sản chung không thể chia được hoặc nếu việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì Chấp hành viên có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với toàn bộ tài sản và thanh toán cho chủ sở hữu chung còn lại giá trị phần tài sản thuộc quyền sở hữu của họ [21].

Như vậy, đối với tài sản chung thì mỗi chủ sở hữu chung sẽ có quyền và nghĩa vụ tương ứng với phần quyền sở hữu của mình. Khi đó, nếu một chủ sở hữu chung bị áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên thì CHV chỉ được kê biên phần tài sản thuộc sở hữu của người này trong khối tài sản chung. Từ đó

cho thấy, việc xác định khối tài sản chung này phụ thuộc vào ý chí chủ quan của CHV. Vì vậy, không thể tránh khỏi trường hợp có những tài sản có thể chia được nhưng CHV lại tiến hành kê biên toàn bộ tài sản làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các chủ sở hữu khác.

Thứ hai, kê biên đối với tài sản là quyền sở hữu trí tuệ

Quyền sở hữu trí tuệ là một loại tài sản đặc biệt bởi nó không phải là tài sản hữu hình mà là tài sản vô hình, tài sản do trí tuệ của con người tạo ra. Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ bao gồm: Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng (khoản 1 điều 4 Luật SHTT).

Trường hợp người phải THA là chủ sở hữu quyền SHTT chuyển QSD quyền SHTT cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thì quyền SHTT vẫn bị kê biên. Theo quy định tại BLDS năm 2005 thì quyền sở hữu tài sản bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt tài sản. Do đó, khi người phải THA chỉ chuyển QSD cho đối tượng khác thì tài sản đó vẫn bị kê biên vì chủ sở hữu chỉ chuyển quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản nhưng vẫn còn quyền chiếm hữu và quyền định đoạt tài sản.

Tuy nhiên, đối với trường hợp nhằm đảm bảo mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và lợi ích nhà nước, xã hội mà Nhà nước quy định chủ SHTT phải chuyển giao quyền của mình cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác sử dụng trong thời gian nhất định thì CHV không được kê biên quyền SHTT của người phải THA trong thời gian bắt buộc phải chuyển giao.

Thứ ba, kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng kí quyền sở hữu hoặc đăng kí giao dịch bảo đảm.

Một là, kê biên tài sản là quyền sử dụng đất:

Để giải quyết được những vướng mắc trên, PLTHADS 2004 và LTHADS năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 đã đưa QSD trở thành

một trong những loại tài sản được phép kê biên để THA. Theo qui định tại Điều 89 LTHADS năm 2008 thì “CHV yêu cầu cơ quan đăng kí cung cấp thông tin về tài sản”. Các cơ quan này phải có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản cho CHV trong thời hạn 5 ngày làm việc để CHV quyết định có kê biên tài sản hay không.

- Thủ tục kê biên quyền sử dụng đất

Theo qui định tại điều 6 NĐ 164/2004/NĐ-CP thì CHV chỉ được kê biên QSD đất có giá trị đủ để đảm bảo THA, chi phí THA và các khoản tiền khác mà người phải THA phải thanh toán. Điều này có nghĩa là trước khi tiến hành kê biên QSD đất, CHV phải tạm thời xác định diện tích đất sẽ kê biên dựa trên một số tiêu chí nhất định như: số tiền phải THA, giá trị QSD đất, chi phí THA và các khoản tiền khác mà người phải THA phải chịu... Bởi thông thường, QSD đất có giá trị lớn nếu không xác định trước được những vấn đề trên thì sẽ xảy ra tình trạng kê biên vượt quá nghĩa vụ mà người phải THA sẽ chịu, từ đó làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của họ nếu như đó là đất ở hoặc làm cho họ mất đi nguồn thu nhập ổn định trong gia đình nếu như đó là đất dùng để sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

Chậm nhất là 7 ngày làm việc trước ngày kê biên QSD đất, CHV phải thông báo việc kê biên cho các đương sự, người nhận thế chấp, người nhận góp vốn bằng QSD đất, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến QSD đất, các thành viên Hội đồng kê biên QSD đất, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất được kê biên.

Khi kê biên QSD đất đã thế chấp theo qui định đã thay đổi 3 tháng xuống còn “hết thời hạn 30 ngày theo LTHADS 2008 đã thay đổi theo hướng rút ngắn thời hạn khởi kiện. Do đó cần có sự quan tâm đặc biệt hơn đối với loại tài sản này.

Hai là, kê biên tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm:

Trước khi kê biên tài sản phải đăng kí quyền sở hữu hoặc đăng kí giao dịch bảo đảm, CHV phải yêu cầu cơ quan đăng kí quyền sở hữu cung cấp thông tin về quyền sở hữu của người phải THA, yêu cầu cơ quan đăng kí giao dịch bảo đảm cung cấp thông tin về tài sản dự định kê biên có đang được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người phải THA đối với người có quyền hay không. Trên cơ sở đó, CHV mới có căn cứ để tiến hành áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản.

Sau khi kê biên CHV phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng kí về việc kê biên tài sản để xử lý theo qui định tại khoản 2 điều 89 LTHADS 2008.

Thứ tư, kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp.

Trường hợp người phải THA không còn tài sản nào khác hoặc có nhưng không đủ để THA thì CHV có quyền kê biên xử lý tài sản của người phải THA đang cầm cố, thế chấp nếu giá trị của tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và các chi phí cưỡng chế THA. Đối với các tài sản của người phải THA đang được cầm cố, thế chấp hợp pháp trong các giao dịch dân sự mà có giá trị lớn hơn toàn bộ các nghĩa vụ được bảo đảm theo hợp đồng thế chấp, cầm cố cộng với các chi phí cho việc kê biên, xử lý tài sản thì CHV được quyền kê biên tài sản của người phải THA để bảo đảm THA mặc dù hợp đồng cầm cố, thế chấp chưa đến hạn. Quy định này gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền chủ nợ hợp pháp của tổ chức tín dụng vì khi tổ chức tín dụng buộc phải thực hiện thu nợ trước hạn đối với khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cầm cố, thế chấp đã bị kê biên, thì số tiền tổ chức tín dụng thu được từ giao dịch này có thể ít hơn số tiền dự tính thu được theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng do thời gian cho vay bị rút ngắn và giá trị thu hồi từ tài sản bảo đảm thường giảm đáng kể do bị kê biên.

Tuy nhiên để đảm bảo lợi ích hợp pháp cho người nhận cầm cố, thế

chấp LTHADS 2008 qui định khi kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp phải thông báo cho người nhận cầm cố, nhận thế chấp biết để những người này tự bảo vệ quyền lợi cho chính mình và kịp thời tham gia khi kê biên tài sản.

Thứ năm, kê biên tài sản của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ.

CHV có quyền kê biên tài sản của người phải THA đang do người thứ ba giữ, kể cả trường hợp tài sản được xác định bằng bản án, quyết định khác. Người thứ ba có thể giữ tài sản của người phải THA bằng các phương thức sau: Thuê, mượn, sửa chữa, bảo quản, sử dụng. Tài sản được xác định bằng bản án, quyết định có thể là các khoản nợ mà người thứ ba đang nợ người phải THA và khoản nợ này đã được xác định bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Khi có căn cứ xác định tài sản đó là của người phải THA thì CHV ra quyết định kê biên tài sản đó để THA. Điều này có thể tránh được khả năng người phải THA tẩu tán, hủy hoại tài sản.

Để đảm bảo quyền lợi của người thuê trong trường hợp tài sản thuê bị kê biên thì LTHADS 2008 cho phép người thuê được tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê trong thời gian còn lại của hợp đồng với người trúng đấu giá tài sản bị kê biên.

Thứ sáu, kê biên vốn góp.

LTHADS 2008 đã qui định vốn góp cũng là tài sản có thể bị kê biên để THA. Thật vậy, vốn góp là một loại tài sản có giá trị rất lớn, khả năng đảm bảo THA của loại tài sản này được đánh giá cao trong thời điểm hiện nay. Khi đó, CHV có quyền yêu cầu “cá nhân, cơ quan, tổ chức nơi người phải THA có vốn góp cung cấp thông tin về phần vốn góp của người phải THA” để kê biên phần vốn góp đó, để CHV dễ dàng tiến hành kê biên. Cần phải qui định thêm trường hợp những cá nhân, cơ quan, tổ chức này phải chịu trách nhiệm khi không cung cấp thông tin hoặc cố tình cung cấp thông tin sai sự

thật để người phải THA có cơ hội tẩu tán tài sản bằng những giao dịch khác; Trưng cầu tổ chức, cá nhân có chuyên môn xác định phần giá trị vốn góp của người phải THA để THA.

Tiếp tục phát huy nguyên tắc tự định đoạt của đương sự, trong trường hợp đương sự không tin tưởng vào kết quả xác định về giá trị phần vốn góp của CHV thì pháp luật cho phép đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xác định theo khoản 2 điều 92 LTHADS 2008.

Thứ bảy, kê biên đồ vật bị khóa, đóng gói.

Kế thừa trên cơ sở phát huy những thành tích đã được của PLTHADS 2004, LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 qui định khi kê biên đồ vật đang bị khóa hoặc đóng gói thì CHV yêu cầu người phải THA, người đang sử dụng, quản lý đồ vật mở khóa, mở gói; Nếu họ không mở hoặc có tình vắng mặt thì CHV tự mình hoặc có thể thuê cá nhân, tổ chức khác mở khóa, phá khóa hoặc mở gói. Trong trường hợp này phải có người làm chứng. Với tư duy luôn phải đảm bảo quyền lợi của người được THA, theo đó luật cho phép CHV tự mình hoặc thuê người khác mở khóa, mở gói nếu như người phải THA hoặc người đang sử dụng, quản lý cố tình không mở. Suy cho cùng, đây cũng là một trong những phương thức để kê biên tài sản của người phải THA trong mọi trường hợp.

Thứ tám, kê biên tài sản gắn liền với đất.

Theo qui định tại điều 91 LTHADS 2008 thì “khi kê biên tài sản là công trình xây dựng gắn liền với đất phải kê biên cả QSD đất, trừ trường hợp QSD đất không được kê biên theo qui định của pháp luật hoặc việc tách rời tài sản kê biên và đất không làm giảm đáng kể giá trị tài sản đó. Bên cạnh đó qui định này còn thể hiện kê biên và BĐG là hai giai đoạn phải bổ trợ nhau, khi kê biên phải bảo đảm sẽ xử lý được tài sản chứ không phải kê biên chỉ là để đó làm kéo dài thời gian THA. Tuy nhiên theo qui định của pháp luật về

đất đai có những QSD đất không được phép kê biên thì CHV không được kê biên QSD đất đó hoặc việc tách rời tài sản kê biên và đất không làm giảm đáng kể giá trị của tài sản đó thì có thể chỉ kê biên tài sản mà không kê biên đến QSD đất.

Song hành cùng với kê biên tài sản thì hoa lợi phát sinh từ tài sản cũng được kê biên. Hoa lợi là sản vật tự nhiên mà tài sản mang lại như cây có trái... Xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo, LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 qui định không phải tất cả các hoa lợi phát sinh từ tài sản đều bị kê biên hết để thực hiện nghĩa vụ cụ thể như lương thực, thực phẩm thì khi kê biên CHV phải để lại một phần cho người phải THA và gia đình họ sinh sống trong thời gian chưa có thu nhập mới.

Thứ chín, Kê biên nhà ở.

Gắn liền với cuộc sống của con người thì ngoài cái ăn, cái mặc còn là chỗ ở. Do đó, nhà ở là một loại tài sản không thể thiếu trong đời sống của nhân loại. LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 qui định: “việc kê biên nhà ở là nơi ở duy nhất của người phải THA và gia đình chỉ được thực hiện sau xác định người đó không có tài sản nào khác hoặc có nhưng không đủ để THA”. Nhằm nêu cao tinh thần nhân đạo, đảm bảo được chỗ ở cho công dân, Luật qui định nếu là nhà ở duy nhất thì phải bị kê biên sau cùng khi không còn tài sản nào khác. Đồng thời khi kê biên nhà ở phải kê biên QSD đất gắn liền với nhà ở. Vì nếu chỉ kê biên nhà mà không kê biên QSD đất thì tài sản khó xử lý được vì ít ai mua nhà ở mà lại không mua đất. Chẳng hạn như khi kê biên nhà ở là nhà biệt lập tức không phải nhà chung cư thì ngôi nhà này sẽ khó xử lý được nếu như không có QSD đất đi kèm. Ngoại trừ trường hợp nhà ở đó là nhà chung cư. Điều này có thể bảo vệ được quyền lợi của người thứ ba khi mua nhà bị kê biên.

Mặt khác, trong trường hợp nhà ở gắn liền với đất thuộc QSD của

người khác thì CHV chỉ kê biên nhà ở và QSD đất để THA nếu người có QSD đất đồng ý. Thi hành quyền lực nhà nước nhưng phải đảm bảo được quyền lợi của những người liên quan. Nếu việc tách rời nhà ở và đất không làm giảm đáng kể giá trị căn nhà. Vấn đề đặt ra là “giảm đáng kể giá trị căn nhà” là giảm như thế nào, bao nhiêu phần trăm? Cần phải có một tiêu chí nhất định để CHV dễ dàng hơn trong việc kê biên tài sản. Theo người viết thì khi không kê biên được QSD đất thì cũng đừng nên kê biên ngôi nhà. Bởi khi chỉ kê biên ngôi nhà thì việc xử lý ngôi nhà là rất khó. Chẳng hạn như khi có người đồng ý mua căn nhà và đã ở một thời gian nhưng chủ sở hữu QSD đất do gặp khó khăn nên cần phải bán QSD đất và người có quyền sau này lại muốn dùng đất để kinh doanh. Vậy thì lúc này người chủ căn nhà sẽ phải xử lý ra sao?

Thứ mười, kê biên phương tiện giao thông.

Đây là loại tài sản khá phổ biến trong giai đoạn hiện nay, do đó phương tiện giao thông là một trong những loại tài sản rất dễ kê biên và xử lý do tính năng và công dụng rất tiện lợi của nó. Đối với phương tiện giao thông đang được khai thác sử dụng thì sau khi kê biên CHV có thể thu giữ hoặc giao cho người phải THA, người đang quản lý, sử dụng tiếp tục khai thác, sử dụng, bảo quản nhưng không được chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp. Có thể nói quy định này phần nào giúp đỡ được người phải THA vì khi tài sản bị kê biên thì họ gần như mất đi một phương tiện để kiếm sống, việc cho phép họ được tiếp tục sử dụng, khai thác công dụng tài sản đã tạo cho họ cơ hội được tiếp tục thu lợi từ tài sản trong khi chờ xử lý.

Trên đây là những tài sản mà LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 cho phép CHV được quyền kê biên để đảm bảo khả năng THA của người phải THA. Song hành với những tài sản được phép kê biên thì có những tài sản không được kê biên do nếu kê biên những tài sản này thì sẽ ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước và của công dân.

** Tài sản không được kê biên*

Tiến bộ hơn PLTHADS 2004, LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 đã qui định thêm trường hợp tài sản không được kê biên theo khoản 1 điều 87 LTHADS như sau: “Tài sản bị cấm lưu thông theo qui định của pháp luật; tài sản phục vụ quốc phòng; tài sản do ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan, tổ chức”. Qui định bổ sung này là hoàn toàn hợp lý vì nếu chấp nhận cho kê biên những tài sản không hợp pháp như hàng lậu thì vô tình pháp luật lại thừa nhận những tài sản đó là hợp pháp. Khi đó, kê biên và BĐGTS sẽ trở thành giai đoạn hợp pháp hóa tài sản phi pháp. Như thế, sẽ gây khó khăn cho người phải THA bởi có được pháp luật bảo vệ nhưng quyền lợi thực sự của họ vẫn chưa được khôi phục trên thực tế. Bên cạnh đó, với mục tiêu lợi ích quốc gia là hàng đầu, LTHADS 2008 không cho phép CHV kê biên đối với những tài sản phục vụ quốc phòng, an ninh, lợi ích công cộng. Bởi những tài sản này tuy thuộc sở hữu của người phải THA nhưng nó lại có tác dụng rất lớn đến an ninh quốc gia và lợi ích công cộng. Do đó, khi kê biên những loại tài sản này không chỉ tác động đến bản thân người phải THA mà còn ảnh hưởng rất lớn đến Đất nước và những người xung quanh. Bởi thế, trong mọi trường hợp không được tiến hành kê biên những loại tài sản này mặc dù nó thuộc sở hữu của người phải THA. Mặt khác cũng không thể tiến hành kê biên đối với tài sản do ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan, tổ chức. Vì những tài sản này về cơ bản không thuộc sở hữu của cơ quan, tổ chức, đồng thời việc cấp những tài sản này là nhằm mục đích phục vụ lợi ích chung. Cho nên, LTHADS 2008 đã không cho phép kê biên đối với những tài sản loại này.

Với mục đích nhân đạo và đảm bảo cuộc sống sinh hoạt bình thường của công dân, pháp luật không cho phép kê biên toàn bộ tài sản của người phải THA. Cần có sự hạn chế nhất định để đảm bảo cho người phải THA và những người sống nhờ vào người đó có khả năng tiếp tục sinh sống theo nghề

nghiệp của họ. Tùy theo mức sống chung và loại phương tiện lao động ở địa phương, CHV đánh giá đúng mức độ thế nào là cần thiết tối thiểu, cụ thể như nếu người phải THA là cá nhân thì trước hết không được kê biên những tài sản liên quan mật thiết đến cuộc sống của người phải THA và gia đình đó là lương thực và thuốc men để phòng chữa bệnh. Pháp luật đặt ra là để răn đe, giáo dục, bù đắp những thiệt hại, mất mát đã xảy ra chứ không phải đặt ra để dồn con người đến đường cùng, do đó việc qui định không kê biên đối với 2 loại tài sản này là cần thiết và hợp lý, vì có như vậy mới phù hợp với đạo lý, giúp người dân càng tin tưởng hơn vào pháp luật. Song song đó, LTHADS 2008 còn qui định thêm một số trường hợp khác không được kê biên tài sản như: vật dụng cần thiết cho người tàn tật hay vật dụng để chăm sóc người ốm. Đây là một qui định mới so với PLTHADS 2004, bởi thực tế cho thấy những tài sản này thường có giá trị không cao hoặc giả nếu có giá trị lớn nhưng nó cũng chỉ cần thiết cho một số người như Luật đã qui định. Mặt khác trong hoàn cảnh toàn xã hội đều ra sức giúp đỡ những người tàn tật, đau bệnh thì không lý do gì những tài sản loại này phải bị kê biên để thực hiện một nghĩa vụ nào đó. Về mặt pháp luật, bản án có hiệu lực thi hành phải được thi hành nhưng thi hành như thế nào để có kỷ cương, phép nước được nghiêm minh và đạo lý xã hội trong mỗi người dân luôn được duy trì và tôn tạo.

Nhằm tôn trọng tự do tín ngưỡng cũng như truyền thống uống nước nhớ nguồn, thờ cúng tổ tiên của nhân dân ta, PLTHADS 2004 cũng như LTHADS 2008 đều không cho phép kê biên đối với những đồ thờ cúng thông thường theo tập quán ở địa phương. Đồ thờ cúng thông thường là đồ dùng chỉ được sử dụng vào mục đích thờ cúng. Cần phải khẳng định rằng phải theo tập quán ở địa phương thì mới không bị kê biên, còn nếu như đồ thờ cúng có giá trị lớn mà do gia đình tự tín ngưỡng thì vẫn bị đem ra kê biên để THA.

Bên cạnh đó, nhằm duy trì cuộc sống hiện tại và tương lai của họ, CHV

cũng không nên kê biên công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt cần thiết của người phải THA và gia đình. Còn những đồ dùng có giá trị lớn như: tủ lạnh, tivi, thì vẫn bị kê biên để THA.

Đối với người phải THA là doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thì cũng nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất, kinh doanh được diễn ra, bảo vệ quyền lợi của cán bộ, công nhân làm việc trong doanh nghiệp đó thì CHV không được kê biên các tài sản theo qui định tại khoản 3 điều 87 LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 [Khoản 3 điều 87 LTHADS 2008 qui định “Tài sản sau đây của người phải THA là doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: a/ Số thuốc phục vụ việc phòng, chữa bệnh cho người lao động; lương thực, thực phẩm, dụng cụ và tài sản khác phục vụ bữa ăn cho người lao động; b/ Nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế và thiết bị, phương tiện, tài sản khác thuộc các cơ sở này, nếu không phải là tài sản để kinh doanh; c/ Trang thiết bị, phương tiện, công cụ bảo đảm an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống ô nhiễm môi trường].

1.3. Nội dung của Pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự

1.3.1. Nguyên tắc kê biên tài sản trong thi hành án dân sự

Thứ nhất, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực thi hành án dân sự. Nguyên tắc pháp chế là một trong những nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đối với thực hiện pháp luật thi hành án nói chung, kê biên tài sản trong thi hành án dân sự Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 qui định: “Bản án, quyết định của Toà án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành”; Điều 4 luật thi

hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 quy định “Bản án, quyết định quy định tại Điều 2 của Luật này phải được cơ quan, tổ chức và mọi công dân tôn trọng. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan trong phạm vi trách nhiệm của mình chấp hành nghiêm chỉnh bản án, quyết định và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành án”. Như vậy, việc thực hiện pháp luật thi hành án dân sự không những bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, mà còn tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, không có sự phân biệt đối xử. Nguyên tắc tất cả mọi người đều có quyền bình đẳng và được đối xử bình đẳng trước pháp luật là một nguyên tắc mang tính nền tảng của pháp luật nước ta nói chung và pháp luật kê biên tài sản trong thi hành án dân sự. Nguyên tắc này thể hiện là bất kỳ là ai, cơ quan, tổ chức các nhân nào (cho dù cá nhân đó có giữ vị trí lãnh đạo nào...) nếu có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện nghĩa vụ thi hành án liên quan đến kê biên tài sản mà cơ quan có thẩm quyền đã tuyên thì phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án bình đẳng như nhau.

Thứ ba, cơ quan thi hành án dân sự, chấp hành viên là chủ thể đặc biệt khi tiến hành kê biên tài sản trong thi hành án dân sự. Những phán quyết về dân sự của Tòa án nhân dân nhà nước được chấp hành viên bảo đảm thực thi trên thực tế, không phải vì lợi ích của chính bản thân Chấp hành viên, mà vì lợi ích mà pháp luật bảo vệ, vì bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được các đương sự nghiêm chỉnh chấp hành, các tổ chức, cá nhân tôn trọng. Trường hợp một bên là chủ thể của quan hệ pháp luật thi hành án dân sự cố ý không tôn trọng bản án, quyết định của Tòa án, không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ của mình mà có biểu hiện coi thường pháp luật mặc dù đã được chấp hành viên cơ quan thi hành án phân tích, giải thích, thì chấp hành viên phải áp dụng biện pháp kê biên, buộc người phải thi hành án phải thực hiện nghĩa vụ theo phán quyết mà Tòa án đã tuyên án có hiệu lực

pháp. Trường hợp áp dụng biện pháp kê biên thi hành án không những thể hiện quyền lực nhà nước, mà còn thể hiện bản chất dân chủ của chế độ xã hội chủ nghĩa cũng như trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Trong quan hệ pháp luật thi hành án dân sự luôn tồn tại ba chủ thể với địa vị pháp lý khác nhau, đó là cơ quan thi hành án, chấp hành viên với người phải thi hành án và người được thi hành án. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, giữ gìn trật tự, kỷ cương trong thi hành án dân sự là trách nhiệm của Nhà nước. Cơ quan thi hành án, chấp hành viên tham gia quan hệ pháp luật kê biên tài sản không phải vì lợi ích của chính mình, mà nhân danh cơ quan nhà nước, thực hiện quyền lực nhà nước, thực hiện trên thực tế những phán quyết về dân sự, hành chính của Tòa án, nhằm bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của các công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

1.3.2. Trình tự, thủ tục kê biên tài sản

Về nguyên tắc khi một người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên thì CHV phải kê biên tài sản thuộc sở hữu riêng của người này trước, khi không đủ mới tiến hành kê biên tài sản thuộc sở hữu của người này trong khối tài sản chung với người khác. Nhằm cụ thể hóa qui định của BLDS về tài sản chung và để giải quyết vướng mắc trong các trường hợp xác định đương sự có tài sản chung nhưng tài sản chung không xác định được hoặc các bên không thỏa thuận được về phần sở hữu của người phải THA, Điều 74 LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 qui định: “ Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản

chung hoặc yêu cầu toà án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận vi phạm quy định tại Điều 6 của Luật này hoặc thỏa thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phân quyền sở hữu tài sản, phân quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phân quyền sở hữu tài sản, phân quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Chấp hành viên xử lý tài sản theo quyết định của Tòa án” Qui định này đã chi tiết hóa đối với vấn đề kê biên tài sản thuộc sở hữu chung, đảm bảo được nguyên tắc công bằng, tự định đoạt của các đương sự. Chỉ khi họ không thỏa thuận, không khởi kiện trong thời hạn luật định thì CHV mới tiến hành yêu cầu toà án xác định phân quyền sở hữu tài sản theo thủ tục tố tụng dân sự rồi Chấp hành viên xử lý tài sản theo quyết định của Tòa án, đây là một điểm tiến bộ vượt bậc so với PLTHADS 2004⁷, LTHADS 2008. Tuy nhiên, LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 đã không quy định cụ thể về việc phải kê biên tài sản riêng trước như theo PLTHADS 2004. Theo quan điểm người viết, LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 nên kế thừa quy định của PLTHADS 2004 thì sẽ giúp cho mọi người dễ hiểu hơn về trình tự tiến hành kê biên tài sản.

Việc kê biên nhà ở là nơi ở duy nhất của người phải THA và gia đình chỉ được thực hiện sau khi xác định người đó không có các tài sản khác hoặc có nhưng không đủ để THA, trừ trường hợp người phải THA đồng ý kê biên nhà ở để THA. Đây là một qui định mới, vừa mang tính nhân đạo vừa tạo điều kiện cho người phải THA có cơ hội lựa chọn tài sản để kê biên. Ở

PLTHADS 2004 việc kê biên nhà ở chỉ được tiến hành khi những tài sản khác của người phải THA không đủ để THA và số tiền THA tương đối lớn tức là nhà ở phải được kê biên sau cùng khi những tài sản khác không có hoặc không đủ để THA. LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 qui định quyền của CHV được mở rộng hơn khi bổ sung thêm qui định kê biên nhà ở nhưng phải là nhà ở “duy nhất” thì mới được kê biên sau cùng, nhằm đảm bảo việc THA được diễn ra nhanh chóng vì tài sản là nhà ở này được CHV để đưa vào danh sách kê biên hơn so với qui định của PLTHADS 2004. Bên cạnh đó, qui định này rất hợp lý trong trường hợp người phải THA không còn tài sản nào khác nhưng lại có tới hai, ba ngôi nhà để ở mà không được kê biên lại phải tiến hành xác định các tài sản khác, khi nào không có mới được kê biên đến nhà ở như qui định của PLTHADS 2004 thì rất mất thời gian lại vô cùng tốn kém.

Nếu có tranh chấp về tài sản kê biên giữa người phải THA với người khác thì CHV phải giải thích cho những người này về quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý đơn kiện, Tòa án phải khẩn trương giải quyết tranh chấp về tài sản để việc THA được tiếp tục, đảm bảo được quyền lợi cho các đương sự. Vì tranh chấp đối với tài sản kê biên thực chất là việc chưa xác định rõ quyền và nghĩa vụ của người phải THA đối với tài sản kê biên. Hết thời hạn 30 ngày các bên không thoả thuận hoặc thoả thuận vi phạm tại điều 6 của Luật này hoặc thoả thuận không được và không yêu cầu toà án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu toà án giải quyết thì CHV yêu cầu toà án giải quyết theo quy định. Rồi chấp hành viên xử lý theo quy định của toà án. LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 đã rút ngắn thời gian khởi kiện của đương sự và những người có liên quan từ 3 tháng (như ở PLTHADS 2004) và (LTHADS 2008 là 30 ngày) xuống còn 15

ngày. Việc rút ngắn thời hạn trong giai đoạn này là khá cần thiết, bởi lượng án chưa được thi hành tính đến thời điểm hiện tại là rất lớn, qui định thời hạn khởi kiện là 3 tháng là quá dài rồi đến 1 tháng, sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc bảo vệ quyền và lợi ích của người được THA trong trường hợp họ đang gặp khó khăn cần ngay khoản tiền thi hành để sinh sống. Đồng thời, với qui định này có thể ngăn chặn được tình trạng người phải THA và những người có liên quan thông đồng với nhau trong việc khởi kiện ra Tòa án. Bởi khi việc khởi kiện đã được Tòa án thụ lý giải quyết thì sẽ được hoãn THA (theo qui định tại điểm d khoản 1 điều 48 LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014) đợi khi có bản án, quyết định của Tòa án về giải quyết tranh chấp có hiệu lực thì tài sản đó mới được xử lý tiếp. Nếu trong 3 tháng mà những người này thay phiên nhau khởi kiện thì biết đến bao giờ tài sản đó mới được đem ra xử lý.

Trường hợp người phải THA không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để THA, CHV có quyền kê biên, xử lý tài sản của người phải THA đang cầm cố, thế chấp nếu giá trị tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế THA. Qui định này kế thừa những qui định của PLTHADS 2004, sẽ đảm bảo được quyền lợi của người được THA đồng thời đây cũng là biện pháp hiệu quả nhằm ngăn chặn người phải THA có hành vi tẩu tán tài sản thông qua một giao dịch dân sự khác.

Trong trường hợp người phải THA có một tài sản duy nhất lớn hơn nhiều so với nghĩa vụ phải thi hành mà tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị tài sản thì CHV vẫn có quyền tiến hành kê biên đối với tài sản đó. Qui định này nhằm đảm bảo tối đa quyền lợi của người được THA trong hoàn cảnh người phải THA không còn cách nào khác để thực hiện nghĩa vụ. Nhưng cũng cần phải qui định thêm trường hợp nếu như người phải THA tìm được tài sản khác để thay thế trước khi tiến

hành kê biên thì CHV sẽ chấp nhận thay thế này.

Trước khi kê biên tài sản là bất động sản ít nhất là 3 ngày làm việc, CHV thông báo cho đại diện chính quyền cấp xã hoặc đại diện tổ dân phố nơi tổ chức cưỡng chế, đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, tài sản kê biên (khoản 1 điều 88 LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014). Quy định này kế thừa những quy định của PLTHADS 2004 nhưng trong PLTHADS 2004 thủ tục kê biên này được áp dụng cho các loại tài sản kê cả động sản hay bất động sản. LTHADS 2008 có một chút thay đổi đó là đối với bất động sản thì phải thông báo trước cho những cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan ít nhất là 3 ngày làm việc, đối với động sản thì không cần phải thông báo. Nhận thấy quy định này là hợp lý, bởi động sản là những tài sản có thể di chuyển được nên nếu thông báo trước cho người phải THA thì họ sẽ tìm cách tẩu tán hoặc hủy hoại tài sản để trốn tránh nghĩa vụ THA. Còn bất động sản là những tài sản cố định, không thể di dời được nên quy định phải thông báo trước cho các cơ quan có liên quan thực hiện các chức năng do Nhà nước qui định như chuẩn bị lực lượng để hỗ trợ công tác kê biên. Tất nhiên trong điều kiện cần ngăn chặn đương sự tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc THA thì không cần phải thông báo trước.

Nếu như đương sự vắng mặt hoặc người được ủy quyền vắng mặt thì CHV vẫn tiến hành kê biên tài sản. Quy định này có điểm hay hơn so với PLTHADS 2004. Nếu PLTHADS 2004 qui định người phải THA cố tình vắng mặt thì CHV mới được tiến hành kê biên tài sản thì LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 không cần đương sự là cố tình vắng mặt hay vắng mặt có lý do chính đáng CHV vẫn tiến hành kê biên tài sản. Có như vậy mới đảm bảo được quyền lợi của người được THA và rút ngắn được thời gian THA.

Khi kê biên đồ vật, nhà ở, công trình kiến trúc nếu vắng mặt người phải THA hoặc người đang quản lý sử dụng tài sản đó mà phải mở khóa, phá khóa,

mở gói thì CHV có thể tự mình hoặc thuê cá nhân, tổ chức khác mở khóa, mở gói, trong trường hợp này phải có người làm chứng.

Tài sản được kê biên là kim khí quý, đá quý thì phải niêm phong trước mặt người phải THA hoặc thân nhân của họ. Trên niêm phong phải ghi rõ loại tài sản, số lượng, khối lượng và các đặc điểm khác của tài sản niêm phong. Có chữ ký của CHV, người phải THA và thân nhân của họ. Tài sản kê biên là tiền mặt thì phải ghi rõ số lượng tờ, mệnh giá các loại tiền, nếu là ngoại tệ thì phải ghi tiền nước nào và trong trường hợp cần thiết phải ghi cả số sê ri trên tiền.

LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 nên bổ sung thêm qui định CHV chấp nhận đề nghị của người phải THA về việc kê biên tài sản nào trước, nếu xét thấy đề nghị đó không trở ngại cho việc THA như theo qui định của PLTHADS 2004 để bảo đảm quyền và lợi ích của người phải THA trong điều kiện họ có nhiều loại tài sản. Có như vậy mới giúp họ dễ dàng và thuận lợi hơn trong việc chấp hành án vì chỉ có họ mới biết tài sản nào là cần thiết hay không cần thiết lắm đối với cuộc sống của mình. Qui định này thể hiện sự tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự nhưng vẫn bảo đảm hiệu quả THA và khuyến khích ý thức tự nguyện THA của đương sự.

1.3.3. Thẩm quyền kê biên tài sản, thời hạn áp dụng biện pháp kê biên và định giá tài sản kê biên

**** Thẩm quyền kê biên tài sản***

Theo qui định tại khoản 5 điều 20 LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì “CHV có quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế”. Như vậy, áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản thuộc thẩm quyền của CHV phụ trách hồ sơ về vụ việc phải THA. Nếu khoản 1 điều 41 PLTHADS 2004 qui định: “CHV có quyền kê biên tài sản nếu có căn cứ cho rằng tài sản đó là của người phải THA”. Qui định này cho phép vận dụng nguyên tắc suy đoán nhằm tạo khả năng vận dụng linh hoạt cho CHV, kịp thời ngăn ngừa việc

người phải THA tẩu tán tài sản trong khi vẫn đảm bảo quyền bảo vệ quyền sở hữu tài sản của người phải THA và người khác, bởi nếu có tranh chấp về tài sản kê biên, người phải THA và người khác vẫn có quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự. Tuy nhiên, cần phải qui định thêm “căn cứ” này phải hợp lý, phải có giấy tờ chứng minh rõ ràng để tránh trường hợp lạm quyền của CHV. Theo Tội LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 nên giữ lại qui định này và sửa đổi cho phù hợp hơn.

Một vụ việc khi đã được Tòa án giải quyết xong và đã ra bản án, quyết định thì sẽ được đưa ra thi hành theo quyết định của Thủ trưởng cơ quan THADS. Nếu đương sự không tự nguyện thi hành thì sau 10 ngày sẽ bị áp dụng biện pháp cưỡng chế.

Trước khi ra quyết định kê biên tài sản, CHV yêu cầu cơ quan đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản cung cấp thông tin về quyền sở hữu, QSD tài sản của người phải THA, yêu cầu cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm cung cấp thông tin về tài sản dự định kê biên có đang được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người phải THA đối với người có quyền hay không hoặc tài sản do người phải THA quản lý, sử dụng có phải là tài sản thuê mua tài chính hay không. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, các cơ quan nói trên phải trả lời bằng văn bản cho CHV về những nội dung yêu cầu đó (khoản 1 điều 21 Nghị định số 173/2004/NĐ-CP). Các cơ quan có trách nhiệm trả lời thông tin trên một cách nhanh chóng và chính xác, nếu cố tình cung cấp thông tin sai sự thật về điều kiện THA của người phải THA thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Kế thừa những qui định của PLTHADS 2004, nhằm nâng cao hơn hiệu quả công tác THA, LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 đã qui định rõ ràng, chặt chẽ, đầy đủ thủ tục thông báo THA, trong đó có thông báo về kê biên tài sản. CHV phải thông báo trước, trực tiếp bằng văn bản cho

người phải THA, người được THA, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản kê biên, các cơ quan, tổ chức theo đúng qui định tại các điều 39, 40, 41, 42 LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 và Nghị Định số 62/2014/NĐ-CP, trừ trường hợp kê biên nhằm ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại tài sản. Xuất phát từ thực tế, hiện nay nhiều CHV khi kê biên tài sản mà không hề biết các tài sản đó đã được dùng để cầm cố, thế chấp, do vậy việc gửi thông báo về kê biên tài sản có ý nghĩa hết sức quan trọng. Bên cạnh giá trị pháp lý đối với người thứ 3 thì trong trường hợp các tài sản đã bị kê biên phải đăng ký, nhưng không đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm khi CHV gửi thông báo việc kê biên các tài sản đó thì người được THA sẽ có quyền ưu tiên thanh toán trước.

1.3.4. Thời hạn áp dụng biện pháp kê biên

Theo qui định tại khoản 2 điều 9 LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì: “người phải THA có điều kiện THA mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế THA”. Thời hạn tự nguyện THA là 10 ngày, kể từ ngày người phải THA nhận được hoặc được thông báo hợp lệ quyết định THA (khoản 1 điều 45). Quyết định THA có hai loại: một loại do Thủ trưởng cơ quan THADS chủ động ra quyết định thi hành đối với phần bản án, quyết định tại khoản 1 điều 36 LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014; một loại do Thủ trưởng cơ quan THADS ra quyết định thi hành khi có đơn yêu cầu THA. Nếu như PLTHADS 2004 qui định thời hạn tự nguyện THA là “không quá 30 ngày kể từ ngày người phải THA nhận được quyết định THA” thì LTHADS 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 đã giảm thời hạn tự nguyện THA còn 10 ngày kể từ ngày người phải THA nhận được hoặc được thông báo hợp lệ quyết định THA. Thực tiễn THA cho thấy để giải quyết được lượng án tồn đọng đồng thời bảo vệ quyền lợi của người được THA thì việc giảm thời hạn tự nguyện THA còn 10 ngày là rất hợp lý, vì có nhiều

trường hợp người được THA bị rơi vào hoàn cảnh rất khó khăn do phải trải qua một thời gian khá dài để theo đuổi vụ kiện. Bởi thế không thể để cho lợi ích của người được THA bị tiếp tục xâm phạm trong khi họ là người thắng kiện. Mặt khác qui định “được thông báo hợp lệ quyết định THA” là một qui định tiến bộ giúp cho công tác THA diễn ra thuận lợi hơn, tránh được việc người phải THA lợi dụng kẽ hở này để cố tình trốn tránh không nhận quyết định THA làm cản trở công tác cưỡng chế tài sản và gây thiệt hại cho người được THA.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến kê biên tài sản trong thi hành án dân sự

Thứ nhất, yếu tố chính trị, pháp luật có ảnh hưởng mạnh mẽ tới hiệu quả của hoạt động thực hiện pháp luật của các chủ thể pháp luật, đặc biệt là các cá nhân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật, vì nó củng cố ý thức và niềm tin chính trị của cán bộ, đảng viên, và quần chúng nhân dân đối với sự lãnh đạo của đảng, gia tăng lập trường chính trị - tư tưởng của các cá nhân có thẩm quyền áp dụng pháp luật nói chung và kê biên tài sản để thi hành án nói riêng.

Muốn cho pháp luật được tôn trọng và thực hiện nghiêm túc thì cán bộ đảng viên phải là những người đi trước, gương mẫu thực hiện và có “năng lực tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối của đảng pháp luật của nhà nước, công tâm, thạo việc, tận tụy với dân, biết phát huy sức dân”. Chính vì vậy, đảng ta luôn quan tâm và chỉ đạo sâu sát đối với các mặt hoạt động pháp luật trong đó có thực hiện pháp luật.

Nhưng bên cạnh đó cũng có một số cán bộ lãnh đạo đảng lợi dụng sự lãnh đạo của mình can thiệp sâu vào việc kê biên tài sản của đương sự để thi hành án. Đặc biệt đương đó là người thân người quen của gia đình, bà con họ hàng của đồng chí... từ thực tế nêu trên cán bộ thi hành án còn nể nang dung

túng làm cho công tác kê biên tài sản để thi hành án ảnh hưởng đến quyền lợi của người được thi hành án.

Thứ hai, yếu tố kinh tế là tình trạng tình hình kinh tế, sản xuất kinh doanh chuyển biến chậm, thị trường biến động, trầm lắng nên nhiều tài sản đã kê biên đưa ra bán đấu giá nhiều lần, thậm chí có việc đến 23 lần nhưng chưa bán được. Đây là các yếu tố chính gây khó khăn cho cơ quan thi hành án, dẫn đến nhiều tài sản kê biên để thi hành án “đã giảm giá nhiều lần” nhưng không bán được, nhất là các tài sản có giá trị lớn, tài sản là bất động sản; Bên cạnh đó ý thức tuân thủ pháp luật của một số tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành án, nhất là cán bộ thi hành án và trung tâm đấu giá móc nối với người mua tài sản kê biên không minh bạch trong việc bán đấu giá tài sản có liên quan đến kinh tế và lợi ích nhóm nhưng chưa được chấn chỉnh kịp thời dẫn đến khiếu nại.

Thứ ba, yếu tố địa lý, văn hoá, trình độ dân trí, có một số địa phương vùng cao vùng xa của tỉnh địa lý rất hiểm trở, rất khắc nghiệt, văn hoá chậm phát triển trình độ dân trí của một số bộ phận đương sự ít hiểu biết, tiết cận pháp luật khó khăn, không biết gì đến pháp luật, chỉ hành xử theo tập tục tập quán trong cuộc sống hàng ngày, từ thực tế nêu trên cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc kê biên tài sản để thi hành án

Một số địa phương tình trạng quá tải công việc của cơ quan thi hành án ngày càng nhiều, quá tải về số lượng vụ việc phải thi hành án nhưng biên chế không tăng.

Thứ tư, Đội ngũ cán bộ, CHV của ngành còn thiếu về số lượng, hạn chế về kỹ năng, nghiệp vụ, kinh nghiệm thực tiễn.

Trong những năm qua được sự quan tâm của Đảng, lãnh đạo BTP thì đội ngũ CHV cũng được đào tạo một cách cơ bản. Tuy nhiên, vẫn còn có một số CHV làm công tác THA chất lượng chưa cao, phần lớn mới vào ngành nên

còn thiếu bản lĩnh nghề nghiệp, kiến thức xã hội chưa đủ tiêu chuẩn, điều kiện để đề bạt bổ nhiệm vào các chức danh, chức vụ. Vẫn còn một số cá nhân thiếu nỗ lực phấn đấu, học tập tu dưỡng rèn luyện kỹ năng đạo đức nghề nghiệp nên đã không theo kịp sự phát triển của ngành, năng lực làm việc chưa đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Chính vì vậy, chất lượng THA chưa đạt được kết quả như mong muốn, trong công tác kê biên tài sản còn nhiều hạn chế, số lượng án tồn đọng ngày càng nhiều chưa thể giải quyết dứt điểm “một sớm, một chiều”.

Lãnh đạo một vài cơ quan THA chưa thực sự chủ động, tích cực trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, thiếu tập trung trong quản lý điều hành dẫn đến hậu quả là các CHV cũng chậm trong khi thi hành công vụ. Thế nhưng hiện nay, trong công tác THA, lãnh đạo một vài cơ quan còn chưa làm việc hết lòng, chưa đủ tư cách, phẩm chất của một người lãnh đạo. Bên cạnh đó, do nội bộ chưa có sự đoàn kết chặt chẽ, thống nhất hướng vào mục đích chung nên hiệu quả THA không cao. Do còn thiếu phương pháp, từng nơi, từng lúc chưa đi sâu tìm hiểu nội dung, nguyên nhân khiếu nại từ đó dẫn đến việc giải quyết khiếu nại chưa thỏa đáng, không phù hợp với lòng dân kéo theo tình trạng án tồn đọng cao. Nhiều CHV chưa thực sự tích cực, quyết liệt đối với những vụ việc phức tạp, khó khăn, còn ngại khó, ngại va chạm. Do ngại khó nên những người này đã không thực hiện nghiêm chỉnh chuẩn mực đạo đức của một CHV, không vô tư, khách quan trong khi tiến hành kê biên tài sản làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của người được THA. Gây mất lòng tin trong nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của ngành THADS.

Kết luận Chương 1

Kê biên tài sản biện pháp cưỡng chế được áp dụng thường xuyên, là một công cụ sắc bén trong thi hành án, song pháp luật chỉ có thể phát huy

được vai trò và những giá trị của mình trong việc duy trì trật tự và tạo điều kiện cho xã hội phát triển khi nó được tôn trọng và thực hiện trong cuộc sống. Vì vậy, Thực hiện pháp luật thi hành án dân sự là một lĩnh vực thực hiện pháp luật, là quá trình hoạt động có mục đích làm cho các quy phạm pháp luật thi hành án dân sự đi vào cuộc sống trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật nhằm phát huy tính tích cực, chủ động trong thực hiện pháp luật khắc phục tình trạng không chấp hành pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án, hạn chế và ngăn ngừa những vi phạm pháp luật về kê biên.

Pháp luật thi hành án dân sự được bảo đảm thực hiện trong đời sống xã hội, phát huy được tác dụng, đòi hỏi các chủ thể thực hiện phải nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò và ý nghĩa thiết thực của nó, từ đó chủ động có các biện pháp thích hợp để tổ chức thực hiện tốt những quy định của pháp luật về kê biên tài sản để thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự. Chương 1 - Những vấn đề lý luận về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự - Trên nền tảng lý luận đó, tác giả vận dụng vào thực tiễn của tỉnh Quảng Ngãi, đánh giá thực trạng kê biên tài sản trong thi hành án từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi trong phần tiếp theo của luận văn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KÊ BIÊN TÀI SẢN TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

2.1. Thực trạng pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự

2.1.1. *Khái quát sự hình thành và phát triển của pháp luật kê biên tài sản trong thi hành án dân sự*

Sự hình thành và phát triển của chế định về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự luôn gắn bó và có quan hệ mật thiết với sự hình thành và phát triển của pháp luật thi hành án dân sự ở nước ta nói chung cũng như tỉnh Quảng Ngãi nói riêng. Trong Quá trình phát triển hình thành, thực trạng về kê biên tài sản trong thi hành án được phản ánh qua từng giai đoạn thực tế, và phân tích chia thành các giai đoạn:

Một là, giai đoạn trước năm 1993. Thủ tục thi hành án dân sự trước ngày 01/7/1993 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân và được coi là một giai đoạn của thủ tục tố tụng. Có thể chia các giai đoạn hình thành về thủ tục kê biên tài sản như sau:

- Từ năm 1945 đến trước năm 1960

Từ ngày đầu thành lập, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật mới trong đó có Sắc lệnh số 13 ngày 24 tháng giêng năm 1946 về tổ chức các Tòa án và ngạch thẩm phán, một văn bản qui định về tổ chức, thủ tục giải quyết vụ án của Tòa án. Tiếp đó Sắc lệnh số 51 ngày 17 tháng 4 năm 1946 ấn định thẩm quyền các Tòa án và sự phân công giữa các nhân viên trong Tòa án. Hai Sắc lệnh này là những văn bản tiền đề về tố tụng dân sự của Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, mà đặc biệt là những manh nha đầu tiên về vấn đề THA. Theo đó Sắc lệnh số 13 qui định: “Ban tư pháp xã có quyền thi hành những mệnh lệnh của các thẩm phán cấp trên” (điều 13). Ở giai đoạn

này nghĩa vụ thi hành những mệnh lệnh của thẩm phán cấp trên sẽ do Ban tư pháp xã đảm nhiệm. Ngoài ra, Sắc lệnh số 185-SL ngày 26/5/1948 của Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa qui định thẩm quyền các Tòa án sơ cấp và đề nghị ấn định tạm thời trong thời kỳ chiến tranh cũng qui định: “Về dân sự, thẩm phán sơ cấp có quyền ra mệnh lệnh quyết định các phương pháp bảo thủ khẩn cấp, không có giới hạn nào” (điều thứ 8). Đến năm 1950, Chủ tịch Phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ban hành Sắc lệnh số 85-SL ngày 22 tháng 5 năm 1950. Theo điều 14 của Sắc lệnh số 85 thì “việc kháng cáo không làm hoãn sự thi hành bản án của Tòa án nhân dân cấp huyện”, với qui định trên cho thấy thời kỳ này việc thi hành bản án của Tòa án sẽ thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Hay ở điều 19 Sắc lệnh 85 qui định: “Tòa án nhân dân cấp huyện có quyền công tác THA.

Nhìn chung, việc qui định về vấn đề THA trong giai đoạn từ năm 1945 đến trước năm 1960 còn quá ít, chưa nhận thấy được vai trò quan trọng của quá trình THADS trong việc giải quyết vụ kiện.

- Từ năm 1960 đến trước năm 1993

Cũng ở giai đoạn này lần đầu tiên Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 1960 được ban hành, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong ngành Tư pháp. Theo điều 24 Luật tổ chức Tòa án Nhân dân 1960 qui định: “Tại các Tòa án Nhân dân địa phương có nhân viên chấp hành án làm nhiệm vụ thi hành những bản án và quyết định về dân sự...” Thủ tục và lệ lối làm việc trong công tác THA được qui định trong đề án năm 1968 của Tòa án Nhân dân Tối cao về một số vấn đề cần được chú ý để đẩy mạnh công tác THA và nhiều văn bản hướng dẫn khác như Thông tư số 187/TC ngày 13/10/1972 của Tòa án Nhân dân tối cao [Tiến sĩ Lê Thu Hà - bình luận khoa học một số vấn đề của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn áp dụng].

Đến năm 1980, sau khi Hiến pháp được ban hành, nhiều văn bản pháp

luật qui định về tố tụng dân sự cũng ra đời như Luật tổ chức Tòa án năm 1981. Điều 13 Luật tổ chức Tòa án nhân dân 1981 qui định: “Những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật phải được các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân tôn trọng. Trong phạm vi chức năng của mình, các cơ quan Công an, các Trại giam, các CHV và các cơ quan hữu quan khác phải nghiêm chỉnh chấp hành những bản án, những qui định của Tòa án nhân dân và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành nhiệm vụ đó”. Nghị định của Hội đồng Bộ Trưởng số 143-HĐBT ngày 22/11/1981 qui định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức BTP theo đó BTP có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: “Trình Hội đồng Bộ Trưởng ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền của mình về các qui chế chấp hành án”. Bên cạnh đó còn có Thông tư 637 ngày 28/5/1985 của BTP. Chỉ thị của Tòa án Nhân dân Tối cao số 01- NCPL ngày 20 tháng 01 năm 1987 về việc xét xử và THA đối với các khoản bồi thường, bồi hoàn, thanh toán tài sản, cấp dưỡng trong các bản án hình sự và dân sự qui định về THA như sau: “CHV căn cứ vào giá thóc, gạo ở thời điểm THA, qui đổi số thóc (hoặc gạo) thành tiền để các đương sự thi hành”.

Đến năm 1989, Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh thi hành án dân sự (có hiệu lực ngày 01/01/1990), tạo bước phát triển mới trong pháp luật Tố tụng dân sự Việt Nam. Đây là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên được Nhà nước ta ban hành qui định các vấn đề về THA, có hiệu lực cao. Trong PLTHADS 1989, những qui định về kê biên đã được qui định rõ hơn so với những văn bản trước đây. Pháp lệnh đã dành 6 điều từ điều 23 đến điều 28 để qui định về kê biên. Việc qui định về trình tự, thủ tục kê biên khá rõ ràng. Biện pháp cưỡng chế kê biên được qui định đầu tiên cho thấy tầm quan trọng của kê biên trong giai đoạn này đã được đề cao. Theo khoản 2 điều 15 của PLTHADS 1989 thì: “Chánh án Tòa án phải chủ động ra quyết định THA đối

với các bản án hoặc quyết định của Tòa án về trả lại tài sản hoặc bồi thường thiệt hại tài sản xã hội chủ nghĩa, phạt tiền, tịch thu tài sản và án phí”. Ngoài ra còn có Thông tư liên ngành Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và BTP số 06/1989/TTLT ngày 07/12/1989 hướng dẫn thực hiện một số qui định của Pháp lệnh thi hành án dân sự. Bên cạnh đó, còn nhiều văn bản pháp luật được ban hành để hướng dẫn về vấn đề này như Công văn của Tòa án nhân dân Tối cao số 04-CT/TAND ngày 03/5/1990 về việc thi hành án.

Tóm lại, các văn bản pháp luật được Nhà nước ta ban hành trong thời kỳ này về vấn đề THADS mà đặc biệt là về biện pháp cưỡng chế kê biên đã rõ ràng. Tuy vậy, các qui định này còn bộc lộ nhiều khuyết điểm, do trong thời kỳ này nền kinh tế của nước ta còn tập trung, bao cấp, kinh tế thị trường chưa được mở rộng, sự giao lưu, hợp tác quốc tế còn hạn chế nên các biện pháp cưỡng chế trong thi hành án dân sự như kê biên tài sản vẫn chưa được áp dụng rộng rãi..

Hai là, giai đoạn từ năm 1993 trở về sau.

Từ ngày 01/7/1993, nhiệm vụ thi hành án được chuyển từ Tòa án nhân dân sang cho hệ thống cơ quan thi hành án dân sự thuộc BTP. Điều này thể hiện sự phát triển của pháp luật thi hành án dân sự đã sang một giai đoạn mới.

- Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1993

Quốc Hội khóa VIII, kỳ họp thứ 11 đã nhất trí thông qua Hiến pháp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam 1992 trong phiên họp ngày 15/4/1992. Để cụ thể hóa những quy định trong Hiến pháp năm 1992 thì Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1993 được ban hành. Cho thấy trong giai đoạn này, công tác thi hành án đã được chú trọng nhiều hơn. Các điều từ 29 đến điều 36 chương IV của PLTHADS 1993 qui định khá chi tiết về vấn đề kê biên. Nghị định của Chính phủ số 69-CP ngày 18/10/1993 qui định thủ tục thi hành án dân sự, theo đó từ điều 15 đến điều 20 chương III qui định về các

biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự. Nghị định của chính phủ số 30-CP ngày 02/6/1993 về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý công tác thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự và CHV. Thông tư liên ngành số 02- TTLN ngày 17/9/1993 của BTP, Bộ Nội vụ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn về việc bảo vệ cưỡng chế thi hành án. Thông tư liên tịch số 01/1997 hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản.

Như vậy, trong thời kỳ này nhiều văn bản pháp luật về thi hành án dân sự mà cụ thể về vấn đề kê biên tài sản được ban hành. Nhìn chung những quy định về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự ở giai đoạn này tiến bộ hơn so với những quy định của giai đoạn trước năm 1993. Cụ thể như đã ban hành ra PLTHADS 1993 và rất nhiều những văn bản hướng dẫn thi hành như đã liệt kê.

- Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004

Nhận thấy PLTHADS 1993 đến nay được coi là không phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, không theo kịp tiến trình đổi mới của đất nước, đặt biệt là các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp. Để đáp ứng những yêu cầu đó, Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã ban hành Bộ luật tố tụng dân sự 2004 có hiệu lực ngày 01/01/2005. Bộ luật tố tụng dân sự ra đời đã đánh dấu bước phát triển của hệ thống pháp luật tố tụng dân sự. Cũng trong Bộ luật này, vấn đề thi hành án dân sự đã được qui định (từ điều 375 đến điều 383), tuy đây chỉ là những vấn đề mang tính nguyên tắc.

Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, biểu hiện rõ nhất là việc Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ban hành PLTHADS 2004 thay thế cho PLTHADS 1993. So với PLTHADS 1993, PLTHADS 2004 đã soạn thảo và ban hành trong giai đoạn nền kinh tế có sự phát triển vượt bậc, các giao dịch về tài sản, hàng hóa, dịch vụ... Trong PLTHADS 2004, vấn đề kê biên tài sản đã được quan tâm đúng mức, còn có các văn bản pháp luật khác qui định về

kê biên như: Nghị định số 164/2004/NĐ-CP ngày 14/9/2004 về kê biên và bán đấu giá QSD đất để đảm bảo thi hành án. Nghị định số 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9/2004 của Chính phủ qui định về thủ tục cưỡng chế và xử phạt vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự. Nghị định số 50/2005/NĐ-CP ngày 11/4/2005 của Chính phủ về cơ quan quản lý thi hành án dân sự và cán bộ công chức làm công tác thi hành án dân sự. Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 về bán đấu giá tài sản. Thông tư số 03/2005/TT-BTP ngày 04/5/2005 hướng dẫn một số qui định của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản. Thông tư số 07/2007/TT-BTP hướng dẫn về việc thông báo kê biên tài sản thi hành án và cung cấp thông tin về kê biên tài sản tại các Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của cục đăng ký giao dịch bảo đảm thuộc BTP.

Có thể thấy biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản trong thời kỳ này đã được vận dụng phổ biến. Rất nhiều văn bản pháp luật qui định về vấn đề đó tạo điều kiện cho các cơ quan có thẩm quyền cũng như các đương sự thi hành đúng chức năng, nhiệm vụ và bảo vệ được lợi ích cho chính mình.

Nhìn chung, biện pháp cưỡng chế bằng hình thức kê biên tài sản trong thi hành án dân sự giai đoạn trước năm 2008 có những ưu điểm nhất định, nhưng vẫn không tránh khỏi những khuyết điểm làm cho những qui định này không còn phù hợp với tình hình mới. Có thể nhận thấy ở cả ba Pháp lệnh: PLTHADS 1989, PLTHADS 1993, PLTHADS 2004 thì biện pháp kê biên được qui định khá tập trung, ngắn gọn và dễ hiểu. Trình tự, thủ tục để tiến hành kê biên tài sản đơn giản. Nhưng bên cạnh đó, các Pháp lệnh này vẫn còn bộc lộ những hạn chế như không qui định rõ các hình thức kê biên đối với từng loại tài sản cụ thể dẫn đến việc khi thi hành trên thực tế còn gặp nhiều khó khăn do sự nhận thức “chêngh nhau” giữa các CHV về luật. Có những loại tài sản khác nhau cần phải có những biện pháp kê biên khác nhau. Nếu cứ qui

định chung trong một điều luật như PLTHADS 1989 ở điều 23, PLTHADS 1993 ở điều 29 và PLTHADS 2004 ở điều 41, từ đó các loại tài sản khác nhau sẽ được kê biên trong cùng một trình tự giống nhau, như vậy là không phù hợp, dẫn đến tình trạng kê biên kéo dài hoặc không thể tiến hành kê biên được. Trên đây là một trong những nguyên nhân chính yếu dẫn đến việc ban hành Luật thi hành án dân sự 2008.

- Luật thi hành án dân sự 2008

Pháp lệnh thi hành án dân sự 2004 sau gần 5 năm triển khai thực hiện đã thu được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, nhận thấy những văn bản pháp luật này chỉ mới dừng lại ở việc qui định những nguyên tắc, thủ tục cơ bản mà còn thiếu những qui định cụ thể phát sinh trong quá trình thi hành án. Để khắc phục những hạn chế trên, tiếp tục thực hiện các qui định về trình tự, thủ tục thi hành án, áp dụng đúng các biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với từng trường hợp cụ thể. củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan thi hành án dân sự đồng thời thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp trong lĩnh vực thi hành án nên ngày 14/11/2008 Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã ban hành Luật thi hành án dân sự, một văn bản có giá trị pháp lý cao về vấn đề thi hành án. Bên cạnh đó còn có Nghị định số 58/2009/NĐ-CP của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự.

Việc ban hành LTHADS 2008 đã đáp ứng được nhu cầu cấp thiết của xã hội. Ở thời kỳ này, vấn đề thi hành án mà đặc biệt là biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản đã được đề cao.

2.1.2. Các quy định của pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự tại tỉnh Quảng Ngãi hiện nay.

Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 25 tháng 04 năm 2005 về Chiến lược

xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Bộ Chính trị.

Nghị quyết số 49- NQ/TW ngày 02 tháng 06 năm 2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Bộ Chính trị.

Chỉ thị 46-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh trật tự trong tình hình mới và triển khai Kế hoạch của Ban Thường vụ thực hiện Chỉ thị 46-CT/TW.

Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Chỉ thị số 10/2002/CT-TTg ngày 19/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp;

Chỉ thị số 20/2001/CT-TTg ngày 11/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự.

Nghị định số 18/2002/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý Kho vật chứng; Nghị định số 70/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý kho vật chứng ban hành kèm theo Nghị định số 18/2002/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ;

Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

Thông tư Liên tịch số 16/2015/TTLT-BTP-BQP của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng ngày 19 tháng 11 năm 2015 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-BTP-BQP ngày 01/02/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi

thường trong hoạt động thi hành án dân sự;

Quyết định số 1165/QĐ-BTP ngày 21/5/2013 của Bộ Tư pháp ban hành Quy chế xây dựng kế hoạch của Bộ Tư pháp;

Công văn Liên bộ số 17558/CVLB-BTC-BTP ngày 19/12/2013 của Liên Bộ Tài chính – Bộ Tư pháp Về việc xin hỗ trợ kinh phí hoạt động cho cơ quan thi hành án từ ngân sách địa phương;

Thông tư Số: 01/2016/TT-BTP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự

Thông tư Số: 01/2016/TT-BTP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự

Quyết định số 2167/QĐ-BTP ngày 09/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự năm 2016;

Quyết định số 10/QĐ-BTP ngày 06/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành chương trình công tác trọng tâm về thi hành án dân sự năm 2016;

Quyết định số: 940/QĐ-TCTHADS ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp về việc giao chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2016 cho các cơ quan thi hành án dân sự địa phương;

Thông tư số: 09/2015/TT-BTP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ tư pháp về việc Quy định việc phân cấp quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự và các cơ quan thi hành án dân sự.

Công văn số 183/UBND-KTTH ngày 11/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện kiến nghị của liên Bộ Tài chính – Bộ Tư pháp;

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự ở tỉnh Quảng Ngãi

2.2.1. *Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại tỉnh Quảng Ngãi có liên quan đến kê biên tài sản trong thi hành án dân sự*

Những đặc điểm tự nhiên của tỉnh Quảng Ngãi. Tỉnh Quảng Ngãi được tái lập vào ngày 01 tháng 7 năm 1989 trên cơ sở tách tỉnh Nghĩa Bình thành 2 tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định. Ngày mới tái lập tỉnh, Quảng Ngãi có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm 1 thị xã và 10 huyện. Đến nay, Quảng Ngãi có 14 huyện, thành phố, trong đó có 1 thành phố, 6 huyện đồng bằng ven biển, 6 huyện miền núi và 1 huyện đảo với diện tích tự nhiên 5.152,95 km². Dân số trung bình của tỉnh năm 2015 là 1.236,25 nghìn người, mật độ dân số 240 người/km². Quảng Ngãi là tỉnh ven biển nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ, có quốc lộ 1A và đường sắt xuyên Việt chạy qua tỉnh, có quốc lộ 24A nối Quảng Ngãi với Tây nguyên, Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan; có bờ biển dài khoảng 130 km. Phía Bắc tỉnh, tại huyện Bình Sơn có Khu kinh tế Dung Quất, với trọng tâm là công nghiệp lọc hoá dầu, là động lực phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

2.2.2. *Điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.*

Là một tỉnh công nghiệp hoá – hiện đại hoá, phân bố dọc theo quốc lộ 1A và có đường sắt Bắc Nam đi, tỉnh Quảng Ngãi có ưu thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, thuận lợi phát triển giao thông vận tải, có Cảng biển sau, có diện tích rừng nhiều, phát triển du lịch và là nơi tập trung nhiều khu công nghiệp và khu kinh tế lớn là Dung Quất và Tịnh Phong.

Tỉnh Quảng Ngãi còn có lợi thế về tài nguyên rừng, diện tích 130.778 ha. Rừng ở đây phong phú các loại tài nguyên động thực vật, là tiềm năng để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng lý tưởng.

Kết cấu hạ tầng của tỉnh đang ngày càng hoàn thiện, công tác chính

trang, đô thị hoá diễn ra nhanh. Tỉnh Quảng Ngãi có Khu Kinh tế Dung Quất đang được mở rộng. Ngoài ra, có cảng biển sâu ở Dung Quất và có 3 Bến xe đóng trên địa bàn tỉnh. Đây là nơi tập trung trên 2.000 nhà máy, xí nghiệp công nghiệp lớn của tỉnh, trung ương và các nhà đầu tư trong và ngoài nước với lượng công nhân trên 100.000 người.

Trên địa bàn tỉnh có 03 trường đại học, 03 trường cao đẳng, 04 trường trung học chuyên nghiệp (trường Đại học Phạm Văn Đồng, Đại học Tà chính kế toán, Đại học Công nghiệp, Cao đẳng Kinh tế - kỹ thuật Quảng..., đã thu hút trên 40.000 học sinh, sinh viên cả nước lưu trú và học tập, đây cũng là nguồn nhân lực chất xám dồi dào cung cấp đội ngũ kỹ sư, cán bộ, công nhân thạo việc. Trên địa bàn tỉnh có nhiều chợ Thành Phố, Bình Sơn Châu Ô và các chợ khác như Mộ Đức, Đức Phổ... và nhiều đại lý bán sỉ và lẻ các mặt hàng phong phú đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Nền kinh tế tỉnh phát triển theo cơ cấu: Công nghiệp hoá hiện đại hoá. Kinh tế tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Đặc biệt, tiềm lực kinh tế tăng mạnh trong giai đoạn 2009 – 2013 khi Nhà máy lọc dầu Dung Quất đi vào hoạt động, tổng sản phẩm trong tỉnh tăng bình quân giai đoạn này là 16,22%/năm, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 25,07%/năm; kim ngạch xuất khẩu tăng 53,57%/năm; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng cao, năm 2013 đạt 30.562,4 tỷ đồng, đứng thứ 4 cả nước.

2.3. Tình hình kê biên tài sản trong thi hành án dân sự tại tỉnh Quảng Ngãi

2.3.1. Số lượng cán bộ, công chức, cơ cấu tổ chức Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi

Hiện nay, Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi đã được Tổng Cục thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp giao biên chế 148 cán bộ công chức: 01 Cục

trưởng, 02 phó Cục trưởng; 14 Chi cục trưởng các huyện Thành Phố, trong đó có 35 chấp hành viên, 60 thư ký; 35 chuyên viên; 18 kế toán (trong đó có 1 kế toán nghiệp vụ được ký hợp đồng); Ngoài ra còn một số hợp đồng theo Nghị định 68 như bảo vệ, lái xe, tạp vụ. Với số lượng cán bộ, công chức như vậy Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi, phải thụ lý hàng năm hơn 7.000 về việc và thụ lý về tiền năm 2011: 206.945.276.000 đồng, năm 2012: 308.204.457.000 đồng, năm 2013: 435.657.060.000đồng, năm 2014: 600.901.843.000đồng, năm 2015: 490.298.840.000 đồng là chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế trong hoạt động thi hành án dân sự nói chung và kê biên tài sản nói riêng.

2.3.2. Số liệu về kê biên tài sản của Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011 đến năm 2015

Trên thực tế địa phương tỉnh Quảng Ngãi đã áp dụng đúng đầy đủ các quy định pháp luật về kê biên tài sản số liệu về kê biên tài sản từ năm 2011 đến 2015 cụ thể như sau:

Bảng 2.1. Kết quả áp dụng biện pháp kê biên tài sản về việc trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011-2015

Stt	kết quả THA về việc từng năm	Tổng số việc thụ lý	Số việc có điều kiện thi hành	Số việc chưa có điều kiện thi hành	Số việc xong hoàn toàn	Số việc xong khác	Tỷ lệ % số việc xong trên tổng số có điều kiện thi hành	Số việc áp dụng kê biên tài sản	Tỷ lệ % số việc áp dụng biện pháp kê biên trên tổng số việc có điều kiện THA	Số việc kê biên tài sản đã xong hoàn toàn	Đạt tỷ lệ % trên tổng số việc kê biên
1	2011	5.189	3.450	1.670	2.805	190	86,8	1.000	29	1.000	100
2	2012	6.130	4.216	1.818	3.540	159	87,7	1.230	29	1.230	100
3	2013	7.488	6.453	1.035	4.687	1.018	88,4	2.381	36	2.381	100
4	2014	7.228	6.428	800	4.848	1.000	90,9	2.385	37	2.385	100
5	2015	6.872	5.836	1.036	4.462	123	76,5	2.476	42	2.476	100

(Nguồn báo cáo Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi 2011-2015)

Bảng 2.2. Kết quả áp dụng biện pháp kê biên tài sản về tiền trong trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011-2015

Stt	Năm	Tổng số tiền thụ lý	Số tiền có điều kiện thi hành	Số tiền chưa có điều kiện thi hành	Kết quả đạt được	Tỷ lệ % số tiền đạt được trên tổng số CĐK THA	Số tiền áp dụng biện pháp kê biên trên	Tỷ lệ % số tiền áp dụng BPKB trên tổng số tiền CĐK THA	Số tiền thu được do áp dụng biện pháp kê biên tài sản	Đạt tỷ lệ % trên tổng số tiền kê biên
1	2011	206.945.276.000	61.290.722.000	140.579.932.000	43.684.382.000	71%	40.579.932.000	66	40.579.932.000	100
2	2012	308.204.457.000	77.954.421.000	219.731.434.000	55.526.837.000	75%	49.600.000.000	63	49.600.000.000	100
3	2013	435.657.060.000	283.891.270.000	151.765.790.000	283.891.270.000	55%	160.890.320.000	56	160.890.320.000	100
4	2014	600.901.843.000	436.463.907.000	164.437.936.000	272.610.833.000	62%	193.980.770.000	44	193.980.770.000	100
5	2015	490.298.840.000	321.320.674.000	168.978.166.000	215.245.972.000	67%	201.555.675.000	62	201.555.675.000	100
Tổng		2.042.007.476.000	1.180.920.994.000	845.493.258.000	870.959.294.000	330%	646.606.697.000	291	646.606.697.000	500%

(Nguồn báo cáo Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi năm 2011-2015)

Qua những số liệu báo cáo thống kê tại bảng trên của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi số việc, số tiền trong những năm: Năm 2011 số việc 5.189, số tiền 206.945.276.000 đồng, năm 2012 số việc 6.130, số tiền 308.204.457.000 đồng, năm 2013 số việc 7.488, số tiền: 435.657.060.000 đồng, năm 2014 số việc 7.228, số tiền: 600.901.843.000 đồng, năm 2015 số việc 6.872, số tiền: 490.298.840.000 đồng.

Vậy ta nhận thấy là số án tồn đọng của những năm tăng ở mức cao. Mặc dù số án tồn đọng tăng nhưng số tiền thụ lý hàng năm lại có xu hướng tăng một cách đột ngột chứng tỏ tính chất vụ việc tranh chấp về tiền tăng cao, năm 2014 tăng số thụ lý về tiền so với năm 2013: 165.244.783.000 đồng; năm 2015 giảm số thụ lý về tiền so với năm 2014: 110.603.003.000 đồng.

Từ năm 2011 đến năm 2015, số việc áp dụng biện pháp kê biên cũng tăng lên theo từng năm. Những việc kê biên tài sản có xu hướng tăng cao vào những năm 2012: 230 việc; năm 2013: 51 việc; năm 2014: 4 việc; năm 2015: 91 việc và chiếm tỷ lệ % trên số lượng áp dụng biện pháp kê biên cao lần lượt là 29%, 36%, 37%, 42%. Về tiền thì giá trị của những việc áp dụng biện pháp kê biên cũng tăng theo từng năm nhất là năm 2013: 160.890.320.000 đồng; năm 2014: 193.980.770.000 đồng; năm 2015: 201.555.675.000 đồng tỷ lệ % trên số tiền áp dụng kê biên lần lượt 56%, 44%, 62%. Qua đó cho thấy việc áp dụng biện pháp kê biên tài sản từ thực tiễn thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi là rất quan trọng, đảm bảo quyền và lợi ích các bên và tính nghiêm minh của pháp luật.

Còn số tiền 845.493.258.000 đồng là số tiền chưa có điều kiện thi hành được phần lớn là Ngân hàng cho vay tín chấp không có tài sản thế chấp và một số chủ nợ kinh doanh thua lỗ không có tài sản để thi hành án. Bên cạnh đó có một số chủ nợ đã chủ động tẩu tán tài sản trước khi phá sản. Một phần do chính quyền địa phương cung cấp thông tin chưa đúng hết thực tế, bên

cạnh đó còn một số bộ phận cán bộ địa phương và chấp hành viên không xác minh được tài sản để thi hành án, đôi lúc còn nể nang xác minh sơ sài hợp thức hoá hồ sơ chưa có điều kiện thi hành án để đình chỉ thi hành.

Bảng 2.3. Các loại kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011-2015

ĐVT: VNĐ

Stt	Đối tượng kê biên	Số việc kê biên	Số tiền thu được sau khi xử lý tài sản kê biên
1	Kê biên tài sản thuộc sở hữu chung	1.180	64.559.669.700
2	Kê biên tài sản đối với tài sản là QSH trí tuệ	04	4.561.659.500
3	Kê biên tài sản là QSD Đất. Tài sản phải đăng ký Quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm	1.698	124.850.679.900
4	Kê biên tài sản của người thi hành án đang do người thứ ba giữ	1.174	64.670.766.700
5	Kê biên vốn góp	80	4.660.572.700
6	Kê biên đồ vật bị khoá, đóng gói	100	14.570.639.700
7	Kê biên tài sản gắn liền với đất	1.383	114.950.697.700
8	Kê biên nhà ở	1.485	120.460.671.700
9	Kê biên phương tiện giao thông	1.368	98.950.668.700
10	Kê biên tài sản do người thứ ba giữ	1.000	34.370.670.700

(Nguồn báo cáo Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi năm 2011-2015)

Qua bảng thống kê trên cường chế kê biên tài sản chiếm tỷ lệ rất lớn như: Kê biên tài sản thuộc sở hữu chung, kê biên tài sản là QSD đất, Kê biên tài sản gắn liền với đất, Kê biên nhà ở, Kê biên phương tiện giao thông; Từ đó ta có thể thấy biện pháp kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi tập trung vào những loại tài sản có giá trị như đất, nhà, phương tiện giao thông....

2.3.3. Tài chính cho việc kê biên tài sản

Ngân sách Nhà nước bảo đảm các chi phí kê biên được quy định tại điều 2, khoản 3 Thông tư liên tịch số: 184/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 19/12/2011 hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính về kinh phí tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự, được thể hiện qua bảng đối chiếu sau:

Bảng 2.4. Ngân sách Nhà nước cấp cho việc kê biên từ năm 2011-2015

Stt	Năm	Ngân sách cấp cho kê biên	Chi phí thực tế kê biên QSDĐ	Mức chênh lệch giữa thực tế và ngân sách
1	2011	240.000.000	235.600.000	+ 4.400.000
2	2012	240.000.000	240.700.000	- 700.000
3	2013	240.000.000	290.100.000	- 50.600.000
4	2014	385.000.000	395.000.000	- 10.000.000
5	2015	385.000.000	399.000.000	-14.000.000

(Nguồn báo cáo của Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011-2015)

Từ bảng biểu trên chúng ta có thể thấy nguồn ngân sách đảm bảo cho việc kê biên tài sản chưa đáp ứng được trong thực tế áp dụng biện pháp kê biên tài sản. Vì số lượng án hàng năm tăng nhanh bên cạnh đó đương sự không tự nguyện thi hành án không tự nguyện giao tài sản để kê biên mà có hành vi manh động chống đối. Đa số đều phải dùng đến biện pháp cưỡng chế buộc thi hành.

Ngoài nguồn Ngân sách Nhà nước đảm bảo cho việc kê biên thì người phải thi hành án chịu chi phí kê biên thi hành án được quy định tại khoản 1, Điều 2, Thông tư liên tịch số: 184/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 19/12/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính về kinh phí tổ chức kê biên thi hành án dân sự. Người phải thi hành án phải chịu chi phí cưỡng chế thi hành án được quy định tại khoản 2, Điều 2, Thông tư liên tịch số: 184/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 19/12/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính về kinh phí tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự.

2.3.4. Trụ sở, phương tiện hoạt động

Về điều kiện đòi hỏi ở mức độ khác nhau, song việc bảo đảm hiệu quả kê biên tài sản cũng không thể tách rời. Riêng Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi điều kiện vật chất về trụ sở làm việc đang xây dựng mở rộng, nên phòng tiếp công dân, nhà để xe ... còn chưa được bố trí hợp lý, phù hợp, phục vụ nhu cầu chính đáng của công dân đến liên hệ công việc thi hành án dân sự, cũng như hoạt động kê biên tài sản.

2.4. Những ưu điểm và hạn chế bất cập về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự tại tỉnh Quảng Ngãi.

2.4.1. Những ưu điểm kê biên tài sản trong thi hành án dân sự tại tỉnh Quảng Ngãi

Thứ nhất, góp phần giữ vững an ninh trật tự xã hội, sự nghiêm minh của pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Với tỷ lệ việc kê biên tài sản để thi hành án trong thi hành án dân sự tại tỉnh Quảng Ngãi hàng năm giải quyết trên tổng số việc kê biên năm 2011 là 1.000 việc chiếm 100%; năm 2012 là 1.230 việc chiếm 100%; năm 2013 là 2.381 việc chiếm 100%; năm 2014 là 2.385 việc chiếm 100%; năm 2015 là 2.476 việc chiếm 100%. Về tiền từ năm 2011 đến năm 2015 tỷ lệ kê biên tài

sản trong thi hành án dân sự tại tỉnh Quảng Ngãi hàng năm giải quyết trên tổng số việc kê biên lần lượt như sau 40.579.932.000đ chiếm 100%; 49.600.000.000đ chiếm 100%; 160.890.320.000đ chiếm 100%; 193.980.000.000đ chiếm 100%; 201.555.675.000đ chiếm 100%.

Qua hoạt động kê biên tài sản trong thi hành án dân sự tại tỉnh Quảng Ngãi với những tỷ lệ như vậy, trên thực tế các vụ án có điều kiện thi hành đã tổ chức kê biên tài sản thì phải tiến hành các thủ tục thẩm định bán đấu giá theo quy định. Nếu các vụ việc đã được kê biên tài sản mà chấp hành viên chưa xử lý thẩm định bán đấu giá tài sản xong thì xem như vụ việc đó chưa hoàn thành, và đó cũng là một trong những tiêu chí được đánh giá nhiệm vụ công việc chỉ tiêu của năm. Từ số liệu đã đạt được trên Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi đã góp phần rất lớn giữ vững an ninh trật tự xã hội và đảm bảo tính nghiêm minh của những Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Thứ hai, giải quyết khiếu nại tố cáo

So với các tỉnh khác trong nước Việt Nam là địa phương ít xảy ra tình trạng khiếu kiện, khiếu nại tố cáo và vượt cấp đối với vấn đề kê biên tài sản trong thi hành án dân sự. Có được điều này là do sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan, và CHV, thư ký, chuyên viên giúp việc... của Cục thi hành án dân sự tại tỉnh Quảng Ngãi. Tiếp cận, tìm hiểu tâm lý để động viên thuyết phục các bên trong thi hành án tự nguyện thực hiện việc kê biên tài sản, nên số việc tự nguyện kê biên tài sản trong thi hành án dân sự tại tỉnh Quảng Ngãi rất cao. Các số việc đã có điều kiện và kê biên tài sản được xử lý xong hoàn toàn không để ảnh hưởng đến quyền lợi, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Thứ ba, công tác phối hợp thi hành án

Sự tích cực trong hoạt động của các cơ quan thi hành án dân sự tại tỉnh Quảng Ngãi, của các Chấp hành viên đã tạo ra sự chuyển biến tích cực về

nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ngành, đoàn thể và nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi về công tác thi hành án dân sự nói chung và công tác kê biên tài sản nói riêng. Tình trạng bỏ bê, thiếu quan tâm công tác thi hành án dân sự cho cơ quan thi hành án dân sự dần được khắc phục. Vai trò chỉ đạo tổ chức thi hành án của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự ngày càng được tăng cường.

Nguyên nhân của những ưu điểm:

Một là, có sự lãnh đạo kịp thời, đúng đắn của Tổng Cục thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp và sự quan tâm của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương trong công tác thi hành án dân sự nói chung và hoạt động kê biên tài sản nói riêng.

Hai là, sự nỗ lực quyết tâm phấn đấu của các cán bộ, công chức trong Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Ba là, các cơ quan, tổ chức và nhân dân đã có sự phối hợp với Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi trong việc kê biên tài sản.

Bốn là, công tác phối kết hợp với các Ban, Bộ, Ngành Trung ương, với cấp ủy và chính quyền địa phương được chú trọng hơn; nhiều quy chế phối hợp liên ngành (giữa Bộ Tư pháp với Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; với Ngân hàng Nhà nước; giữa Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng cục Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Bộ Công an...), qua đó, góp phần tích cực tháo gỡ nhiều khó khăn, vướng mắc phát sinh, tạo điều kiện thuận lợi, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan thi hành án. Từng bước tạo được niềm tin của cấp ủy, chính quyền các cấp và của Nhân dân. Từ đó, vị trí, vai trò của công tác thi hành án dân sự, hành chính trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước tiếp tục được khẳng định, tăng cường.

2.4.2. Những hạn chế, bất cập về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự tại tỉnh Quảng Ngãi

Bên cạnh những kết quả đạt được ở trên thì hoạt động áp dụng biện pháp kê biên tài sản trong thi hành án từ thực tiễn Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. còn tồn tại một số hạn chế như sau:

Thứ nhất, hoạt động của Ban Chỉ đạo về thi hành án dân sự hiệu quả chưa đáp ứng được kỳ vọng. Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật thi hành án dân sự còn chưa được hợp lý, nhận thức của một bộ phận các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và nhân dân còn hạn chế, thiếu tự nguyện trong việc thực hiện biện pháp tự kê biên tài sản trong thi hành án dân sự.

Thứ hai, cũng có một số trường hợp cụ thể CHV tiến hành ra quyết định kê biên tài sản đối với người phải thi hành chưa kịp thời chưa hợp lý mặc dù thời gian tự nguyện của người phải thi hành án đã hết, qua công tác giải quyết, xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án có tài sản nhưng không tự nguyện thi hành án hoặc nếu có tự nguyện bán tài sản để thực hiện nghĩa vụ của mình trong Bản án, Quyết định nhưng không có người mua. Điều này gây ảnh hưởng rất lớn đối với quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án và những người có nghĩa vụ quyền lợi liên quan.

Thứ ba, việc thực hiện công tác phối hợp theo Điều 11 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 của các cơ quan: Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, toà án, công an, viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, văn phòng đăng ký đất đai các huyện thành phố, Phòng Kinh tế Hạ Tầng, ... nhiều lúc nhiều nơi còn chưa đạt hiệu quả, chưa hoàn thành trách nhiệm và phối hợp thực hiện trong áp dụng biện pháp kê biên tài sản để thi hành án.

Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế:

Một là, hệ thống pháp luật về kê biên tài sản còn nhiều bất cập thiếu sót trong thi hành án dân sự chưa thực sự hoàn chỉnh có nhiều qui định chồng chéo, mâu thuẫn, thủ tục thi hành án còn nhiều quy định rườm rà, phức tạp.

Hai là, sự lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc của Lãnh đạo Cục Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi đối với các phòng chuyên môn thuộc Cục và các Chi cục thi hành án dân sự trực thuộc Cục chưa quyết liệt chưa kịp thời, việc triển khai thực hiện nhiệm vụ công việc của ngành thiếu linh hoạt.

Ba là, một số cán bộ công chức và cán bộ lãnh đạo còn hạn chế về năng lực, nghiệp vụ chuyên môn, chưa phát huy vai trò, trách nhiệm trong công tác quản lý, điều hành, triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tinh thần trách nhiệm chưa cao, thiếu chủ động, sáng tạo trong công tác, ngại va chạm, chưa kiên quyết áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với những vụ việc có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện dẫn đến hiệu quả thực hiện công tác thi hành án trong những năm gần đây giảm mạnh.

Bốn là, việc giám sát tuân theo Pháp luật của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, của Hội đồng Nhân dân, Mặt trận tổ quốc tỉnh về vấn đề kê biên tài sản trong thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi còn chưa cao, kế hoạch giám sát chưa phù hợp mang nhiều hình thức.

Năm là, công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật thi hành án dân sự đến voi nhân dân và đương sự chưa thật sự hiệu quả, chưa đi vào đời sống xã hội.

Kết luận Chương 2

Tỉnh Quảng Ngãi là một tỉnh tương đối cũng lớn so với các tỉnh ở khu vực Miền Trung nên số lượng về việc, tiền hàng năm tương đối lớn. Nhưng Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận về kê

biên tài sản; nhiều vụ việc phức tạp, tồn đọng lâu năm đã được tổ chức thi hành dứt điểm; một số án ảnh hưởng lớn về kinh tế, trật tự an toàn xã hội cũng đã được chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo. Kết quả đạt được nói trên phản ánh sự cố gắng, nỗ lực của cán bộ, công chức Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi, sự quan tâm, chỉ đạo của tỉnh Ủy, Hội đồng Nhân dân tỉnh, Ủy ban Nhân dân tỉnh, Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Tổng Cục thi hành án dân sự; sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan trong kê biên tài sản để thi hành án. Do vậy, việc thực hiện kê biên tài sản đã có nhiều chuyển biến, theo chiều hướng tích cực.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, việc thực trạng thực hiện biện pháp kê biên tài sản ở Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi còn một số tồn tại đó là Ban chỉ đạo thi hành án hoạt động còn hình thức. Các cơ quan, tổ chức chưa thực hiện hết trách nhiệm của mình trong việc phối hợp thi hành án. Hoạt động kiểm tra, giám sát từ phía Viện kiểm sát, Hội đồng nhân dân chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho quần chúng nhân dân về thi hành án còn chưa thực sự được quan tâm.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tồn tại kể trên, đó là pháp luật kê biên tài sản chưa hoàn thiện. Trách nhiệm phối hợp thi hành án chưa được nhận thức rõ ràng... từ thực trạng trên, phần tiếp theo, tôi xin trình bày quan điểm và các giải pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả kê biên tài sản từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ KÊ BIÊN TÀI SẢN TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỰ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI

3.1. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự tự thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi

Thứ nhất, phát xuất từ tính cần đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật

Hiệu quả của việc kê biên tài sản là cơ sở, tiền đề cho sự thành công khi đương sự không tự nguyện thi hành, đảm bảo tính hiệu lực của các bản án, quyết định của tòa án. Thể hiện tính nghiêm minh của các bản án, quyết định, tạo lòng tin của nhân dân đối với Đảng với Nhà nước, góp phần đảm bảo an ninh trật tự xã hội, giữ gìn kỷ cương, phép nước, thực hiện dân chủ, công bằng xã hội.

Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 có hiệu lực pháp luật từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 đã đánh dấu một sự thừa nhận rất lớn của Nhà nước, xã hội đối với Ngành thi hành án dân sự nói chung. Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm thì có những nhóm quy định chưa thật sự đảm bảo thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật khi nó không thực sự đi vào cuộc sống, ví dụ như việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thi hành án dân sự vẫn chưa thực sự đi vào đời sống xã hội, chưa đáp ứng được mục tiêu đặt ra là răn đe, phòng ngừa vi phạm để từ đó nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước. Cho đến nay, số lượng chấp hành viên, Chi cục trưởng thi hành án của các huyện, thành phố thực hiện xử phạt vi phạm

hành chính trong hoạt động kê biên tài sản chưa nhiều; Thực tiễn, khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động thi hành án dân sự, một số người có thẩm quyền còn nhiều lúng túng khi vận dụng các quy định của pháp luật để xử phạt; Đã để xảy ra tình trạng chống đối cơ quan thi hành án bằng nhiều hình thức từ những việc như cố tình không nhận Quyết định, giấy báo, giấy triệu tập, không ký biên bản làm việc của cơ quan thi hành án ... đến những hành vi nghiêm trọng hơn như phân tán hoặc làm tẩu tán tài sản để không thực hiện nghĩa vụ thi hành án,... thực tế đó đã chứng tỏ vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự nói chung và kê biên tài sản nói riêng không những chưa giảm mà còn có xu hướng ngày càng nhiều hơn và phức tạp hơn.

Từ những điều như vậy nảy sinh nhu cầu rất lớn cần phải hoàn thiện các chế tài phù hợp để tránh tình trạng chây lỳ, không hợp tác, chống đối của người phải thi hành án, thể hiện được sự nghiêm minh của hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về kê biên tài sản nói riêng.

Thứ hai, phát xuất từ nhu cầu đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên

Các căn cứ pháp lý để xác định tài sản có thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án hay không là đặc biệt quan trọng, các căn cứ này phải thỏa mãn các quy định của Bộ luật Dân sự về quyền sở hữu, sử dụng của một cá nhân hay tổ chức. Theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự thì việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế xử lý tài sản chỉ được thực hiện khi có đủ căn cứ thể hiện tài sản đó là tài sản của người phải thi hành án. Điều này giải thích tại sao khi xử lý tài sản của người phải thi hành án mà có tranh chấp hoặc tài sản thuộc sở hữu chung thì CHV phải thông báo cho các bên liên quan biết quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết để xác định quyền sở hữu của các bên. Việc này giúp xác định lại một cách chính xác tài sản bị kê biên là của người phải thi hành án và tránh ảnh hưởng đến quyền lợi của

những người có liên quan. Quyết định của Tòa án là căn cứ pháp lý cao nhất trong trường hợp có tranh chấp giúp CHV yên tâm hơn trong việc xử lý tài sản để thi hành án.

Tuy nhiên, hiện nay có một số quy định mà việc áp dụng nó vào thực tế còn có những vướng mắc trong việc xác định chủ sở hữu tài sản. Do đó, việc tiến hành kê biên tài sản gặp nhiều trở ngại ví dụ: như tại khoản 1, Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định: *“Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, ... CHV có văn bản yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đối với tài sản đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đối với tài sản đó”*. Theo hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/07/2015 chúng ta có thể chia thành hai nhóm hành vi:

Nhóm thứ nhất gồm các hành vi: bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho của người phải thi hành án cho người khác kể từ thời điểm có bản án, quyết định sơ thẩm.

Nhóm thứ hai gồm các hành vi: Thế chấp, bảo lãnh và cầm cố tài sản cho người khác kể từ thời điểm có bản án, quyết định sơ thẩm.

Nhóm thứ nhất là nhóm những hành vi nhằm chuyển quyền sở hữu tài sản sang cho người khác. Nhóm thứ hai là nhóm các hành vi chưa dẫn đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản cho người khác, theo quy định của pháp luật thì người phải thi hành án vẫn đang là chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản đó. Cho nên, việc kê biên xử lý tài sản mà người phải thi hành án đã thực hiện các hành vi ở nhóm thứ hai được tiến hành theo các quy định hiện hành của pháp luật về thi hành án dân sự mà không có vướng mắc trong việc xác định chủ sở hữu tài sản. Vì vậy, việc xác định chủ sở hữu để tiến hành kê biên, xử lý tài sản chỉ phát sinh vướng mắc đối với nhóm thứ nhất gồm các hành vi bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho của người phải thi hành án cho người

khác kể từ thời điểm có bản án, quyết định có hiệu lực. Tuy nhiên, cũng theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP 18/07/2015 thì tài sản của người phải thi hành án đã chuyển quyền sở hữu sang cho người khác kể từ thời điểm có bản án, quyết định có hiệu lực vẫn bị kê biên để thi hành án. Trong khi hiện nay chưa có một căn cứ pháp lý nào cho thấy giao dịch dân sự của người có nghĩa vụ thi hành bản án, quyết định của Tòa án là giao dịch dân sự vô hiệu. Nghĩa là dù tài sản nào đã đứng tên người khác một cách hợp pháp vẫn bị kê biên để đảm bảo thi hành án. Vì vậy, khi áp dụng quy định này vào giải quyết việc thi hành án đã gặp phải một số khó khăn, vướng mắc không đảm bảo được quyền và lợi ích của các bên.

Từ những điểm như vậy đã nảy sinh nhu cầu về việc phải hoàn thiện về khung pháp luật về kê biên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan trong pháp luật thi hành án dân sự nói chung và kê biên tài sản nói riêng.

Thứ ba, xuất phát từ nhu cầu đảm bảo an toàn pháp lý cho CHV

Chấp hành viên thi hành án dân sự là một chức danh tư pháp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm theo quy trình, thủ tục nhất định khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu, tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật; Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chấp hành viên thi hành án dân sự, về cơ bản, bao gồm các yếu tố như trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật; ý thức pháp luật nghề nghiệp; kỹ năng nghiệp vụ công tác; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống... Trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ luận bàn về kỹ năng nghiệp vụ cũng như nhu cầu bảo đảm an toàn pháp lý công tác thi hành án dân sự của chấp hành viên - một trong những yếu tố rất quan trọng tạo nên năng lực của chấp hành viên.

Trước hết, để có kỹ năng nghiệp vụ công tác thi hành án dân sự thì chấp hành viên, ngoài trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật, phải có trình độ

chuyên môn, nghiệp vụ. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ là những kiến thức chuyên sâu về một lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp nào đó, được thể hiện qua những trình độ như sơ cấp, trung cấp, cao cấp... Đây là những kiến thức bắt buộc phải có đối với đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước nói chung, đội ngũ chấp hành viên nói riêng khi thực hiện các chức trách, nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, chấp hành viên cần phải thường xuyên tìm hiểu, cập nhật, tích lũy kiến thức về kỹ năng nghiệp vụ bằng cách tự học hỏi, tự đúc rút kinh nghiệm thông qua trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ với đồng nghiệp cũng như qua hoạt động thực tiễn hoạt động thi hành án dân sự. Ngoài trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chấp hành viên còn cần có sự hiểu biết rộng rãi về các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, theo quy định của pháp luật, chấp hành viên cao cấp phải am hiểu sâu rộng tình hình kinh tế, xã hội trong nước và quốc tế; chấp hành viên trung cấp phải nắm chắc tình hình kinh tế, xã hội của địa phương, của đất nước; còn chấp hành viên sơ cấp cần nắm được tình hình kinh tế, xã hội ở địa phương [3].

Chấp hành viên không chỉ đơn thuần giữ cương vị của người tổ chức thi hành bản án dân sự, mà có lúc còn phải đảm nhận vai trò tư vấn, trao đổi, gợi ý họ nên sử dụng tài sản nào để thi hành án một cách thuận tiện và có lợi nhất. Để nâng cao hiệu quả vận động, thuyết phục đương sự tự nguyện thi hành án, chấp hành viên cần biết cách phân tích, lý giải vấn đề, đánh giá, chỉ ra cho các bên đương sự thấy những lợi ích có được khi tự nguyện thỏa thuận với nhau và tự nguyện thi hành án.

3.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng Pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự phải trên cơ sở quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng và chiến lược

xây dựng pháp luật của Nhà nước về thi hành án dân sự.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về thi hành án dân sự chính là tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho công tác thi hành án dân sự. Vì vậy, Quốc Hội cần nhanh chóng ban hành Bộ luật Thi hành án dân sự trên cơ sở hệ thống hóa, pháp điển hóa, mở rộng phạm vi điều chỉnh, đáp ứng yêu cầu đổi mới tổ chức, hoạt động thi hành án dân sự trong tình hình hiện nay theo tinh thần của Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 01/08/2007 về đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 06 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, nhất là Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 25 tháng 04 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 “*xây dựng Bộ luật thi hành án điều chỉnh tất cả các lĩnh vực thi hành án; xác định Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ quản lý nhà nước thống nhất công tác thi hành án; từng bước xã hội hoá hoạt động thi hành án*”.

Thứ hai, bảo đảm nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Bảo đảm nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa quan điểm cần được quán triệt tuyên truyền mạnh mẽ trong quá trình tổ chức và hoạt động thi hành án dân sự nói chung hiện nay. Do đó, các quy định của pháp luật kê biên tài sản phải được tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh. Mọi vi phạm pháp luật kê biên tài sản phía cơ quan thi hành án, chấp hành viên, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thi hành án phải bị xử lý kịp thời. Pháp luật về kê biên tài sản nói riêng, là nguyên tắc cơ bản của toàn bộ hoạt động thi hành án dân sự và hoạt động kê biên tài sản từ giai đoạn xây dựng pháp luật thi hành án, tổ chức thực hiện pháp luật kê biên tài sản nghiêm chỉnh, xử lý nghiêm khắc hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành án.

Thứ ba, sức mạnh tổng hợp được phát huy từ các tổ chức trong hệ thống chính trị trong giáo dục thuyết phục, hoà giải trong quá trình hoạt động kê biên tài sản.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả thực hiện pháp luật thi hành án dân sự, cần đặt ra là thái độ của Nhà nước, của xã hội và đặc biệt là của các chủ thể pháp luật thi hành án dân sự đối với công tác kê biên tài sản như thế nào. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức, đoàn thể và nhân dân có thái độ đúng đắn đối với hoạt động kê biên tài sản để thi hành án, thì họ sẽ quan tâm đến thi hành án dân sự. Có sự quan tâm này, thì họ tích cực tham gia vào hoạt động kê biên tài sản, nhằm tạo ra hiệu quả cao cho công tác kê biên tài sản để thi hành án đúng pháp luật.

3.3. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi

3.3.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi.

Thứ nhất, cần phải được hoàn thiện các quy phạm pháp luật kê biên tài sản trong Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014

Nghị định số: 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự. Tại khoản 1, Điều 24 Nghị định này quy định: [*Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác]*

Tại khoản 1 Điều 110 Luật thi hành án dân sự, Chấp hành viên chỉ kê

biên quyền sử dụng đất của người phải thi hành án thuộc trường hợp được chuyển quyền sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai. Vậy, hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm thực hiện việc đăng ký chuyển quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.

Trường hợp trong thực tế có người phải thi hành án đã thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cho người khác tại Phòng Công chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trước khi có bản án, quyết định của Tòa án nhưng sau thời điểm đó người nhận chuyển nhượng vẫn chưa thực hiện việc đăng ký và nộp thuế tại các cơ quan có thẩm quyền nên chưa có hiệu lực theo pháp luật quy định. Vậy, Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên tài sản nói trên để đảm bảo thi hành án. Hiện nay có những quan điểm khác nhau về việc kê biên tài sản.

- Quan điểm thứ nhất cho rằng: Việc kê biên tài sản của Cơ quan thi hành án là đúng pháp luật, vì theo quy định pháp luật thì việc chuyển nhượng nhưng chưa đăng ký và nộp thuế thì chưa có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp này theo bản thân tôi thì pháp luật cần quy định theo hướng bảo vệ ngay tình người thứ ba nhưng với điều kiện người này không biết hoặc không thể biết được hành vi của người có nghĩa vụ trong Bản án, Quyết định thực hiện giao dịch nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

- Quan điểm thứ hai cho rằng: Việc kê biên tài sản của Cơ quan thi hành án là không đúng quy định tại khoản 1, Điều 24 Nghị định số: 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2015, vì tài sản đã được chuyển nhượng trước khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực.

- Luật Thi hành án dân sự quy định tại Điều 74 về cưỡng chế, kê biên tài sản thuộc sở hữu chung. Trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung trong hộ gia đình bị cưỡng chế để thi hành án, luật chưa quy định rõ tài sản chung của hộ được xác định khi nào, theo hộ khẩu tại thời điểm cấp giấy chứng nhận

hợp pháp, hay theo hộ khẩu tại thời điểm kê biên tài sản, để đảm bảo quyền lợi chính đáng của các đương sự.

Vấn đề này thường hay va chạm và gặp trong thực tế, đòi hỏi pháp luật về kê biên tài sản cần phải dự tính được trước. Để hợp lý nhất theo tôi cần phải quy định theo hướng hộ khẩu tại thời điểm cấp giấy chứng nhận hợp pháp thì mới phát sinh quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong hộ gia đình.

Trong trường hợp tài sản của người phải thi hành án chỉ đủ để thi hành nghĩa vụ theo bản án, nếu cưỡng chế thì đương sự không còn nơi ở, pháp luật về thi hành án dân sự không có văn bản nào quy định có để lại cho đương sự diện tích để ở hay không, trường hợp có là bao nhiêu hoặc trích lại khoản tiền theo khu vực để đương sự lo chỗ ở mới, nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Pháp luật về thi hành án cần quy định theo hướng như thế này phải tạo điều kiện cho người phải thi hành án có một nơi sinh sống trong trường hợp người phải thi hành án không còn nơi ở nào khác. Đồng thời đảm bảo quyền con người, quyền công dân đã được quy định tại Điều 22 Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam *[Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý]*”.

Thực tế hiện nay trong hoạt động thi hành án dân sự nảy sinh nhiều vướng mắc về việc phải xử lý nhà ở của người phải thi hành án được xây dựng trên đất của người khác và tài sản của người phải thi hành án do người khác đứng tên thế. Trong nhiều trường hợp, người phải thi hành án chỉ có tài sản duy nhất là ngôi nhà đó được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhưng nằm trên đất mượn, cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên ngôi nhà để đảm bảo thi hành án, nhưng hầu như không thể xử lý tiếp được. Vì vậy pháp luật thi hành án dân sự cần phải được hoàn thiện hơn nữa để pháp luật về kê

biên tài sản thực sự đi vào đời sống dân sự một cách hiệu quả và được cuộc sống chấp nhận.

Thứ hai, hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan đến việc kê biên tài sản trong thi hành án.

Một là, Bộ luật dân sự 2015 đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/1/2017.

Quy định về giao dịch vô hiệu khi mục đích giao dịch giữa các chủ thể nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án của mình.

Hai là, Luật đất đai năm 2013. Bổ sung các quy định về trường hợp hủy giấy chứng nhận QSDĐ theo yêu cầu của CHV; Bổ sung quy định thời điểm chuyển QSDĐ.

Ba là, Luật doanh nghiệp

Bổ sung trách nhiệm của thành viên cổ đông, hội đồng quản trị phải liên đới chịu trách nhiệm về mặt pháp lý với giám đốc doanh nghiệp với phần vốn góp của mình.

Bốn là, Luật thi hành án dân sự cần quy định thêm về trách nhiệm của UBND xã (phường) trong việc cung cấp thông tin không đúng thực tế về tài sản của đương sự, người phải thi hành án, người có liên quan đến việc thi hành án. Cần phải có chế tài xử lý nghiêm những trường hợp UBND xã phường cung cấp thông tin không đúng thực tế về tài sản của người phải thi hành án .

Năm là, Luật thi hành án dân sự cần bổ sung thêm người phải thi hành án nhưng cố tình tẩu tán tài sản trốn nghĩa vụ thi hành án cần phải được xử lý nghiêm khắc bằng hình sự.

3.3.2. Các Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi.

Một là, Ban Nội chính Tỉnh uỷ, Viện kiểm sát nhân dân, Mặt trận tổ

quốc tỉnh Quảng Ngãi. cần tăng cường công tác chỉ đạo kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thi hành án nói chung và kê biên tài sản nói riêng của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi, theo qui định của pháp luật, kịp thời khắc phục những thiếu sót và sai phạm trong công tác thi hành án dân sự, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các sai phạm trong hoạt động kê biên tài sản.

Tổng Cục thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp cần chỉ đạo về mặt nghiệp vụ cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi, đối với các vụ án khó khăn, phức tạp và cần đặt các hòm thư góp ý và công khai số điện thoại của lãnh đạo Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi và các đường dây nóng cho đương sự và công dân tiện liên lạc. Đề bạt cán bộ quản lý phải có năng lực về nghiệp vụ và công tác quản lý. Tổng Cục thi hành án dân sự thường xuyên chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức thi hành án cả về chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ làm công tác thi hành án.

Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 2659 /QĐ-BTP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức ngành tư pháp.

“Cán bộ, công chức, viên chức Ngành Tư pháp khắc sâu lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đạo đức của người cán bộ tư pháp, quyết tâm học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người”, phấn đấu thực hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Hai là, nâng cao chế độ chính sách tiền lương của cán bộ, công chức ngành thi hành án dân sự

Bộ Tư pháp cần kiến nghị với Chính phủ quan tâm đến chế độ chính sách tiền lương đối với đội ngũ cán bộ làm công tác thi hành án dân sự, chính sách tiền lương đãi ngộ đối với chấp hành viên và cán bộ thi hành án phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động thi hành án. Trước mắt là thu hẹp khoảng cách về mức lương, hệ số lương giữa chấp hành viên và thứ ký, chuyên viên

giúp việc. Có chế độ phụ cấp đối với cán bộ thi hành án bởi hiện mới chỉ có chế độ bồi dưỡng đối với chấp hành viên. Tăng mức khoán kinh phí trên đầu người làm cho cán bộ công chức yên tâm công tác và thuận lợi cho việc điều động, luân chuyển cán bộ. Cần đẩy mạnh xã hội hoá công tác thi hành án dân sự theo hướng tạo điều kiện để mô hình thừa phát lại phát triển.

Ba là, kiện toàn tổ chức, bộ máy cơ quan thi hành án và nâng cao năng lực hoạt động của đội ngũ Chấp hành viên, Cán bộ giúp việc ở Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Để bảo đảm thực hiện pháp luật về kê biên tài sản bên cạnh việc hoàn thiện pháp luật về kê biên tài sản thì việc kiện toàn tổ chức, bộ máy cơ quan thi hành án và nâng cao năng lực hoạt động của đội ngũ chấp hành viên, Cán bộ giúp việc là vô cùng cần thiết.

Việc kiện toàn tổ chức, bộ máy cơ quan thi hành án cần thực hiện theo hướng nâng cao vai trò của cơ quan thi hành án, bảo đảm tương xứng với vị trí của các cơ quan tiền hành tố tụng ở địa phương như Tòa án, Viện kiểm sát, Công an. Trước hết cần tăng cường thêm biên chế cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Về số lượng, hiện Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. số lượng biên chế Thi hành án là 148 cán bộ, công chức như vậy là chưa tương xứng và đáp ứng được nhu cầu thực tế của hoạt động thi hành án.

Bộ Tư pháp cần nhanh chóng đáp ứng đầy đủ và kịp thời kinh phí hoạt động cho cơ quan thi hành án, tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động cần thiết, đặc biệt là xây dựng trụ sở từng bước nghiên cứu và triển khai có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thi hành án, nhằm hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bốn là, tăng cường phối hợp giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi với các cơ quan hữu quan trong việc kê biên tài sản.

Tại điều Điều 11 Luật thi hành án dân sự 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 quy định: “*trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của mình cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong việc thi hành án. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên theo quy định của Luật này. Mọi hành vi cản trở, can thiệp trái pháp luật đối với hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên đều bị xử lý theo quy định của pháp luật*”; Điều 173. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thi hành án dân sự; Điều 174. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thi hành án dân sự; Điều 175. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thi hành án dân sự; Điều 178. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm trong thi hành án dân sự; Điều 179. Trách nhiệm của cơ quan ra bản án, quyết định trong thi hành án.

Năm là, tăng cường sự lãnh đạo của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Để công tác THADS và công tác kê biên tài sản tạo được bước đột phá căn bản trong thời gian tới, Ban Chỉ đạo THADS cần được củng cố và kiện toàn để tăng cường tham mưu có hiệu quả cho cấp ủy Đảng, chính quyền về công tác THADS trên địa bàn. Có thể nói, giai đoạn từ 2011 đến nay, Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi đã đi vào hoạt động có nề nếp, phát huy vai trò quan trọng trong. Đồng thời Hỗ trợ kinh phí theo Công văn Liên bộ số 17558/CVLB-BTC-BTP ngày 19/12/2013 của Liên Bộ Tài chính – Bộ Tư pháp Về việc xin hỗ trợ kinh phí hoạt động cho cơ quan thi hành án từ ngân sách địa phương; và Công văn số 183/UBND-KTTH ngày 11/01/2013

của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện kiến nghị của liên Bộ Tài chính – Bộ Tư pháp.

Vai trò của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự vẫn rất quan trọng vì trên thực tế công tác kê biên tài sản được xem như “*miếng ăn trong dạ dày nhưng bị mất đi*” đó vẫn là công tác khó khăn, phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều địa phương,... Ủy ban Nhân dân mà trực tiếp là đồng chí Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cần nhận thức việc thành lập Ban chỉ đạo thi hành án dân sự là hết sức cần thiết, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân mà trực tiếp là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo các qui định của pháp luật nhằm huy động sức mạnh tổng hợp trong chỉ đạo công tác kê biên tài sản trong những vụ án khó khăn phức tạp có ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, tạo sự đồng thuận, phối hợp trong công tác kê biên tài sản. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phải có trách nhiệm kiện toàn lại Ban chỉ đạo thi hành án dân sự ở tỉnh mình sau mỗi nhiệm kỳ hoặc khi có sự luân chuyển, điều động, thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với các thành viên trong Ban chỉ đạo.

Sáu là, tăng cường công tác động viên thuyết phục đối với người phải thi hành án trong quá trình kê biên tài sản

Trong tất cả quá trình giải quyết THA, cơ quan THA đều tiến hành vận động, thuyết phục. Bằng việc phân tích cho các bên thấy được quyền lợi và nghĩa vụ, đồng thời chỉ rõ bản án đã có hiệu lực bắt buộc phải thi hành. Pháp luật chỉ cho họ một thời gian nhất định, nếu qua thời gian đó, họ không thi hành thì phải áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với người có điều kiện thi hành án. Khi cưỡng chế, người phải thi hành án còn phải chịu toàn bộ các chi phí cưỡng chế. Tuy nhiên khi tiến hành kê biên nhưng người phải thi hành án không tự nguyện kê biên tài sản thì CHV cơ quan thi hành án sẽ phải xây dựng kế hoạch cưỡng chế theo khoản 1, Điều 72 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 “*Chấp hành viên lập kế hoạch cưỡng chế thi*

hành án trong trường hợp cần huy động lực lượng” và theo điểm b, khoản 1 Điều 73 thì Người phải thi hành án chịu “chi phí mua nguyên liệu, nhiên liệu,...chống cháy, nổ, các thiết bị, phương tiện cần thiết khác cho việc cưỡng chế thi hành án” nên cần phải tăng cường động viên thuyết phục đối với người phải thi hành án trong quá trình kê biên tài sản để người phải thi hành án biết được quyền và nghĩa vụ của mình, tránh những phát sinh chi phí trong quá trình kê biên không cần thiết.

Để tổ chức một việc cưỡng chế thành công là cực kỳ khó khăn, vì rất nhiều khi thi hành án gặp phải sự can thiệp, sự từ chối hợp tác của một số cơ quan, có những vụ phải hoãn nhiều lần trong nhiều năm.

Vận động, thuyết phục thoả thuận thành là lợi cho cả hai bên, người được thi hành án và người phải thi hành án. Cơ quan THA cũng thoát khỏi gánh nặng và đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương hoặc các khiêu nại.

Vì vận động, thuyết phục và thoả thuận đã trở thành thủ tục không thể thiếu trong thực tiễn công tác thi hành án dân sự nói chung và giai đoạn kê biên tài sản nói riêng. Thi hành án là lĩnh vực khó khăn, động chạm trực tiếp đến quyền lợi của các bên nên tùy vụ việc cán bộ thi hành án phải lựa chọn phương pháp vận động, thuyết phục thoả thuận khác nhau. Để thành công, bên cạnh trách nhiệm, còn là sự cảm thông, chia sẻ. Ngược lại, nếu vận động, thuyết phục không thành, phải cương quyết áp dụng biện pháp cưỡng chế, kê biên không thể mượn lý do hoà giải để kéo dài thời gian thi hành án. Nhưng, khi cưỡng chế cũng không có nghĩa là chấm dứt việc vận động, thuyết phục. Vận động, thuyết phục phải được tiến hành ở mọi giai đoạn của quá trình thi hành án.

Vì vậy Tăng cường công tác động viên thuyết phục thoả thuận đối với người phải thi hành án và người được thi hành án trong quá trình kê biên tài sản là hướng nâng cao về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi.

Kết luận Chương 3

Để hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở nghiên cứu lý luận chung về pháp luật thi hành án dân sự, pháp luật về BLDS, Luật nhà ở...các quan điểm của Đảng về thi thi hành án dân sự và từ thực trạng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi, tôi đã xây dựng một số giải pháp như trên. Trong đó các giải pháp cơ bản nhất là việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự, tăng cường chế độ chính sách tiền lương của cán bộ, công chức ngành thi hành án dân sự, kiện toàn các cơ quan thi hành án và nâng cao năng lực của đội ngũ chấp hành viên, tăng cường phối hợp giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi với các cơ quan hữu quan trong việc kê biên tài sản để thi hành án. với các nhóm giải pháp nêu trên tôi hy vọng sẽ hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự hiện nay, đảm bảo tính nghiêm chỉnh của pháp luật.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của đề tài luận văn, tác giả đưa ra một số kết luận sau:

Một, đề tài kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi đã đưa ra và hệ thống được một số lý luận về kê biên tài sản cách tiếp cận nghiên cứu về vấn đề này, bằng các phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của triết học Mác-Lê Nin, phương pháp điều tra thực tế thống kê so sánh, phân tích đánh giá về thực tiễn và lý luận khoa học. Đã chỉ ra được Khái niệm kê biên tài sản là tính toán và ghi chép lại theo một thứ tự nhất định tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ trong bản án, quyết định được thi hành và chỉ ra được đặc điểm, phân loại về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự; vai trò của kê biên tài sản trong thi hành án dân sự thứ nhất là nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và khôi phục lại những quan hệ xã hội mà pháp luật bảo. Thứ hai là nâng cao nhận thức pháp luật của người dân, thứ ba là thước đo của quá trình xét xử của Tòa án; Các yêu cầu về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự.

Hai, người phải thi hành án phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo bản án, quyết định được đưa ra thi hành hoặc phải nộp phí thi hành án, thứ hai người phải thi hành án có tài sản. Thứ hai, tài sản kê biên không có tranh chấp; cơ chế bảo đảm kê biên tài sản trong thi hành án dân sự. Thứ ba, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực thi hành án dân sự, không có sự phân biệt đối xử. Cơ quan thi hành án dân sự, chấp hành viên là chủ thể đặc biệt khi tiến hành kê biên tài sản trong thi hành án dân sự.

Trên nền tảng lý luận đó, tác giả vận dụng vào thực tiễn của tỉnh Quảng Ngãi, đánh giá thực trạng kê biên tài sản trong thi hành án từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi trong Chương 2 của luận văn và đã chỉ ra được thực trạng quy định pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự tại tỉnh Quảng Ngãi,

thứ nhất khái quát về sự hình thành và phát triển của pháp luật kê biên tài sản trong thi hành án dân sự, thứ hai căn cứ áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản, thứ ba, nguyên tắc áp dụng biện pháp kê biên tài sản, thứ tư trình tự thủ tục áp dụng biện pháp kê biên tài sản; tình hình thực hiện quy định pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự tại tỉnh Quảng Ngãi; Những ưu điểm và hạn chế bất cập về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự tại tỉnh Quảng Ngãi. Tìm ra được những nguyên nhân và chỉ ra những vấn đề thực trạng về kê biên tài sản trên địa phương tỉnh Quảng Ngãi.

Ba, trên cơ sở và thực tiễn vấn đề thực hiện pháp luật về thi hành án dân sự, căn cứ vào đặc điểm tình hình địa phương và thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua, trong Chương 3 tác giả tập trung xây dựng; phương hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao về kê biên tài sản trong thi hành án dân và giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi, trên cơ sở phân tích đánh giá đó để tiếp tục nâng cao hơn nữa hiệu quả thực hiện pháp luật kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi. Góp phần nâng cao kết quả, hiệu quả công tác thi hành án dân sự.

Tuy nhiên luận văn không thể tránh khỏi những hạn chế tác giả hy vọng sẽ nhận được sự góp ý, phản biện chân thành để luận văn được hoàn thiện hơn, góp phần nâng cao hiệu quả biện pháp kê biên tài sản trong thi hành án dân sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Án tồn đọng và nỗi lo của bộ trưởng, Báo pháp luật TP.Hồ Chí Minh số 13 ngày 13/01/2010.
2. Bộ luật tố tụng dân sự 2004
3. Bộ luật dân sự 2005
4. Bộ Luật dân sự 2014
5. Bộ tư pháp (2009), *Tài liệu tập huấn nghiệp vụ THADS*, Hà Nội.
6. Bộ tư pháp (2010), *Sổ tay chấp hành viên*, Hà Nội.
7. Đại học luật Hà Nội (2004), *Giáo trình lý Luận nhà nước và pháp luật*, Hà Nội.
8. Đại Học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Luật đất đai*, NXB Hồng Đức-Hội luật gia Việt Nam.
9. Hiến pháp 1980
10. Hiến pháp 1992
11. Hiến pháp 2013
12. Học Viện Hành chính Quốc gia (2001), *Lý luận chung về nhà nước và pháp*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
13. Học viện tư pháp (2010), *Giáo trình kỹ năng thi hành án dân sự*, NXB Tư pháp.
14. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, khoa Nhà nước và pháp luật (2004), *tài liệu học tập và nghiên cứu môn học lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, tập 1, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
15. Phan Trung Hiền (2009), *Để hoàn thành tốt luận văn ngành luật*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Trương Thanh Hùng (2006), *Tập bài giảng Luật tố tụng dân sự*, Đại học Cần Thơ.
17. Hoàng Thọ Khiêm (2006), *Đổi mới tổ chức cơ quan thi hành án*, NXB Tư pháp.

18. Luật đất đai 2013
19. Luật khiếu nại tố cáo 2010
20. Luật sở hữu trí tuệ 2005
21. Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014
22. Nghị định số 143-HĐBT ngày 22/11/1981 của Hội Đồng Bộ Trưởng qui định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Bộ tư pháp
23. Nghị định số 164/2004/NĐ-CP ngày 14/9/2004 của Chính phủ về kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất để đảm bảo thi hành án
24. Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự
25. Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự
26. Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Tp.Hồ Chí Minh
27. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 25 tháng 04 năm 2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Bộ Chính trị.
28. Nghị quyết số 49- NQ/TW ngày 02 tháng 06 năm 2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Bộ Chính trị.
29. Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 01/08/2007 về đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước và nhất, Bộ Chính trị.
30. Pháp lệnh thi hành án dân sự 1989
31. Pháp lệnh thi hành án dân sự 1993
32. Pháp lệnh thi hành án dân sự 2004

33. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Nghị định 58/2009 /NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự*, Hà Nội.
34. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TALT-BTP-VKSNDTC*, Hà Nội.
35. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Nghị định 62/2015/ NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự*, Hà Nội.
36. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Nghị định 17/2010/NĐ-CP bán đấu giá tài sản*, Hà Nội.
37. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Thông tư liên tịch số 144/2010/TTLT-BTC-BTP*, Hà Nội.
38. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Thông tư liên tịch số 184.2010.TTLT-BTP-BTC*, Hà Nội.
39. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Thông tư liên tịch số 03.2010.TTLT-BTP-TALT-BCA*, Hà Nội.
40. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật nhà ở*, Hà Nội.
41. Sắc lệnh số 13 ngày 24 tháng giêng năm 1946 về tổ chức các tòa án và ngạch thẩm phán
42. Sắc lệnh số 51 ngày 17 tháng 4 năm 1946 ấn định thẩm quyền các tòa án và sự phân công giữa các nhân viên trong tòa án
43. Sắc lệnh số 185-SL ngày 26/5/1948 của Chủ tịch Chính phủ VNDCCH qui định thẩm quyền các tòa án sơ cấp và đệ nhị ấn định tạm thời trong thời kỳ chiến tranh
44. Sắc lệnh số 85- SL ngày 22 tháng 5 năm 1950
45. *Tạp chí dân chủ và pháp luật*.

46. Lê Minh Tâm (2010), *Thử bàn về lý luận THA*, Luật học.
47. Lại Anh Thắng (2010), *Thực hiện pháp luật về THADS ở tỉnh BR-VT*, luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.
48. Tổng cục thi hành án dân sự (2012), *Sổ tay nghiệp vụ THADS*, Nxb Tư pháp.
49. Trường Đại học luật Hà Nội (2007), *Giáo trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp.
50. Lê Anh Tuấn (2004), *Đổi mới thủ tục thi hành án dân sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, trường Đại học luật Hà Nội.
51. *Từ điển tiếng Việt* (2014), NXB bách khoa.
52. *Từ điển tiếng Việt* (2014), nhà xuất bản thanh niên.
53. *Từ điển tiếng Việt* (2014), nhà xuất bản văn hóa thông tin.
54. *Từ điển tiếng Việt* (2014), nhà xuất bản thời đại.
55. Châu Vũ (2013), *Áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản nhằm thi hành các bản án, quyết định của tòa án qua thực tiễn tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu*, Học Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam.

Trang web:

56. <http://www.vnlawfind.com.vn/default.aspx?tabid=170&ID=4968&CateID=.>[xem ngày 2/1/2010]
<http://nghiepvu.moj.gov.vn.>[xem ngày 2/1/2010]
<http://hids.hochiminhcity.gov.vn/xemtin.asp?idcha=3439&cap=4&id=4416.>[xem ngày
57. <http://lienchieu.danang.gov.vn>
58. <https://www.wattpad.com>
59. <http://moj.gov.vn>
60. <http://ttbd.gov.vn>